

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**



LÊ PHƯƠNG HỒNG

**GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN HỆ THỐNG
KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2006

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**



LÊ PHƯƠNG HỒNG

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG
KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG
MÃ SỐ: 60.31.12**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS TRẦN HOÀNG NGÂN

TP. HỒ CHÍ MINH - NĂM 2006

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài:	1
2. Mục tiêu nghiên cứu:	2
3. Phương pháp nghiên cứu:	3
4. Nội dung nghiên cứu:	3
5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu:	3
6. Kết cấu nội dung: gồm 3 chương	3
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....	4
1.1. Khái niệm và một số nội dung cơ bản về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại	4
1.1.1. Định nghĩa kiểm soát nội bộ	4
1.1.1.1. Kiểm soát nội bộ là một quá trình	4
1.1.1.2. Kiểm soát nội bộ được thiết kế và vận hành bởi con người	5
1.1.1.3. Kiểm soát nội bộ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý, chứ không phải đảm bảo tuyệt đối, là các mục tiêu sẽ được thực hiện	5
1.1.2. Các bộ phận cấu thành của hệ thống kiểm soát nội bộ	5
1.1.2.1. Môi trường kiểm soát	6
1.1.2.2. Đánh giá rủi ro	8
1.1.2.3. Hoạt động kiểm soát	8
1.1.2.4. Thông tin và truyền thông	8
1.1.2.5. Giám sát và sửa chữa những sai sót	9
1.1.3. Nhiệm vụ của hệ thống Kiểm soát nội bộ	9
1.1.3.1. Ngăn ngừa thiếu sót trong hệ thống xử lý nghiệp vụ	9
1.1.3.2. Bảo vệ ngân hàng trước những thất thoát tài sản có thể tránh	9
1.1.3.3. Đảm bảo việc chấp hành chính sách kinh doanh	10

1.1.4. Những hạn chế tiềm tàng của hệ thống Kiểm soát nội bộ	10
1.1.5. Hệ thống lý luận về kiểm soát nội bộ ngân hàng theo báo cáo Basle .	11
1.1.5.1. Các mục tiêu và vai trò của các nguyên tắc kiểm soát nội bộ ngân hàng	11
1.1.5.2. Các nguyên tắc của hệ thống Kiểm soát nội bộ ngân hàng	13
<i>1.2. Khái niệm kiểm toán và những nguyên tắc cơ bản đảm bảo hiệu quả của hoạt động Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng thương mại.....</i>	<i>16</i>
1.2.1. Khái niệm kiểm toán	16
1.2.2. Chức năng của kiểm toán	17
1.2.3. Kiểm toán nội bộ	18
1.2.4. Các nguyên tắc hoạt động của kiểm toán nội bộ	20
1.2.4.1. Nguyên tắc về tính lâu dài - liên tục.....	20
1.2.4.2. Nguyên tắc về tính độc lập	20
1.2.4.3. Nguyên tắc về quy chế kiểm toán nội bộ	21
1.2.4.4. Nguyên tắc về tính khách quan.....	22
1.2.4.5. Nguyên tắc về năng lực chuyên môn.....	22
1.2.4.6. Nguyên tắc về phạm vi hoạt động	23
<i>1.3. Mối quan hệ giữa cơ quan giám sát ngân hàng với kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập</i>	<i>24</i>
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CỦA HỆ THỐNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	27
.....	27
2.1. Giới thiệu về Ngân hàng Công thương Việt Nam.....	27
2.1.1 Sơ lược về Ngân hàng Công thương Việt Nam.....	27
2.1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Công thương Việt Nam qua các năm	28

<i>2.2. Thực trạng hoạt động kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ của các Ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và của Ngân hàng Công thương nói riêng..</i>	<i>30</i>
2.2.1. Những vướng mắc về mặt pháp lý trong các quy định hướng dẫn về kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ	30
2.2.1.1. Luật các tổ chức tín dụng năm 1997	30
2.2.1.2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các Tổ chức tín dụng	32
2.2.2. Ủy ban Basle đã tổng hợp các nguyên nhân cơ bản dẫn đến tổn thất trong hoạt động ngân hàng	34
2.2.3. Mô hình tổ chức của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam qua các thời kỳ	36
2.2.3.1. Từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 04 năm 2005	36
2.2.3.2. Từ tháng 05 năm 2005 đến nay	37
2.2.4. Đánh giá thực trạng hoạt động hiện nay của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của NHCTVN	41
2.2.4.1. Về mô hình tổ chức	41
2.2.4.2. Những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ cơ cấu tổ chức	42
2.2.4.3. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ	45
2.2.4.4. Nhân sự.....	47
2.2.4.5. Về môi trường kiểm soát.....	48
2.2.4.6. Sự phối kết hợp giữa kiểm tra kiểm toán với các bộ phận khác	49

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM51

<i>3.1. Quan điểm, định hướng và các nhóm giải pháp lớn trong lĩnh vực giám sát ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của các Ngân hàng thương mại Việt Nam</i>	<i>51</i>
3.1.1. Định hướng phát triển hệ thống giám sát ngân hàng.....	51

3.1.1.1. Thành lập Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng là một đơn vị (Cục) thuộc Ngân hàng Nhà nước.....	51
3.1.1.2. Hoàn thiện các điều kiện tiên quyết cho một hệ thống giám sát có hiệu quả.....	52
3.1.1.3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả phương pháp giám sát ngân hàng ...	53
3.1.2. Định hướng phát triển các tổ chức tín dụng đến năm 2010	53
3.1.2.1. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các Ngân hàng Thương mại từ trung ương đến chi nhánh	53
3.1.2.2. Mở rộng quy mô hoạt động đi đôi với tăng cường năng lực tự kiểm tra, quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn và hiệu quả kinh doanh	54
3.1.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng đến năm 2010.....	54
3.1.3.1. Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn kinh doanh tiền tệ-ngân hàng	54
3.1.3.2. Để tạo cơ sở thúc đẩy quá trình cải cách, phát triển hệ thống tiền tệ, ngân hàng an toàn, hiện đại và hội nhập quốc tế có hiệu quả	54
3.2. Giải pháp hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt nam	55
3.2.1. Cơ sở pháp lý và điều kiện khách quan cần phải hoàn thiện hoạt động của hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ.....	55
3.2.2. Những yêu cầu của việc hoàn thiện về tổ chức và hoạt động đối với hoạt động Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ tại NHCTVN	56
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam	57
3.2.3.1. Về môi trường kiểm soát.....	57
3.2.3.2. Thay đổi về cơ cấu tổ chức	57

3.2.3.3. Thực hiện đúng những quy định tại QĐ 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	58
3.2.3.4. Phải thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ	59
3.2.4. Giải pháp hoàn thiện bộ máy Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.....	60
3.2.4.1. Thay đổi về phương pháp luận.....	60
3.2.4.2. Về cơ cấu tổ chức	61
3.2.4.3. Vấn đề nhân sự.....	65
3.2.4.4. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ	68
3.2.4.5. Chính sách kiểm toán nội bộ.....	70
3.2.4.6. Quy chế và quy trình Kiểm toán nội bộ.....	70
3.3. Kiến nghị.....	71
3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.....	71
3.3.1.1. Hoàn thiện thể chế và hạ tầng cơ sở hỗ trợ hoạt động giám sát tài chính ngân hàng	71
3.3.1.2. Xây dựng khuôn khổ quy trình và phương pháp thanh tra, giám sát	72
3.3.1.3. Đối với Trung tâm Thông tin tín dụng	73
3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Công thương Việt Nam.....	73
3.3.2.1. Đẩy mạnh chương trình tái cơ cấu.....	73
3.3.2.2. Áp dụng chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt về hoạt động và quản lý ngân hàng.....	74
3.3.2.3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ quan Kiểm toán nội bộ và hệ thống Kiểm soát nội bộ.....	74
KẾT LUẬN	76

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Trong những năm gần đây, hoạt động của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và của Ngân hàng Công thương Việt Nam nói riêng đã có những chuyển biến tích cực. Trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam đang đứng trước vận hội lớn đi kèm với nó là những thách thức to lớn. Các cơ hội là hội nhập kinh tế quốc tế mở ra cơ hội giao lưu và hợp tác kinh tế, tạo điều kiện để các Ngân hàng thương mại có thể nhanh chóng bắt kịp trình độ quản lý cũng như trình độ công nghệ của các Ngân hàng thương mại của các quốc gia phát triển; Ngân hàng thương mại Việt Nam sẽ hoạt động an toàn hiệu quả hơn thông qua việc cải tổ triệt để để nâng cao khả năng cạnh tranh và tồn tại trong môi trường mới; sự quan tâm và gia tăng giám sát của mọi chủ thể tham gia vào các hoạt động kinh tế, tham gia các kênh lưu chuyển tiền tệ sẽ tạo ra môi trường lành mạnh, buộc các nhà kinh doanh tiền tệ phải tính toán đến hiệu quả, sự lành mạnh của các quan hệ tài chính, chú trọng đến việc ngăn ngừa các rủi ro tác hại đến quá trình kinh doanh và tiền tệ. Những nguy cơ là nếu Ngân hàng thương mại Việt Nam không nhanh chóng đổi mới thì sẽ không thể bắt kịp và cạnh tranh được với các Ngân hàng thương mại nước ngoài với rất nhiều thế mạnh, đặc biệt trong ứng dụng công nghệ; quy mô hoạt động hạn chế và tiềm lực tài chính yếu; rủi ro phát sinh do quản lý không theo kịp sự phát triển, yêu cầu tăng trưởng quy mô để nâng cao năng lực tài chính, các Ngân hàng thương mại Việt Nam đang chịu áp lực rất lớn về tốc độ tăng trưởng, nếu quản lý và kiểm soát của mỗi ngân hàng không theo kịp được sự phát triển trong hoạt động thì nguy cơ rủi ro và tổn thất rất cao.

Vì vậy, việc đảm bảo tính bền vững và ổn định trong phát triển trở thành mục tiêu quan trọng nhất trong quản lý và điều hành của các Ngân hàng thương mại. Một trong những giải pháp mang tính chiến lược và cấp thiết là việc tổ

chức lại, nâng cấp hệ thống Kiểm soát nội bộ của mỗi Ngân hàng thương mại, hệ thống Kiểm soát nội bộ trở thành cơ chế tự phòng chống rủi ro quan trọng nhất của Ngân hàng. Thực tế, hoạt động kiểm soát và kiểm toán ngân hàng mới được đề cập và áp dụng vào thực tiễn trong vài năm gần đây, nhưng quá trình áp dụng còn nhiều lúng túng, thiếu kinh nghiệm cả về lý luận và thực tiễn, do vậy một tồn tại thực tế là tại hầu hết các Ngân hàng thương mại, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ chưa được đặt đúng vị trí của chúng. Theo đánh giá của các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước thì nếu các Ngân hàng thương mại Việt Nam không nhanh chóng có được một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu, với tốc độ tăng trưởng nhanh như hiện nay thì nguy cơ xảy ra các tổn thất lớn hoặc đổ vỡ mà hệ thống tài chính của các quốc gia khác đã từng gánh chịu như khủng hoảng tài chính khu vực hay đổ vỡ một loạt các ngân hàng lớn là điều không phải là khó xảy ra và có thể dự báo trước.

Chính vì thế cần phải có nghiên cứu về Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ để giải quyết vấn đề về lý luận và thực tiễn của Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ nhằm góp phần quan trọng đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và của Ngân hàng Công thương Việt Nam nói riêng.

2. Mục tiêu nghiên cứu:

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá thực trạng của hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam hiện nay để đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ nhằm thực hiện mục tiêu *“Xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam thành một ngân hàng chủ lực và hiện đại của Nhà nước, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tài chính lành mạnh, kỹ thuật công nghệ cao, kinh doanh đa chức năng, chiếm thị phần lớn ở Việt Nam”* mà định hướng chiến lược chủ yếu phát triển Ngân hàng Công thương Việt Nam đến năm 2010 đã được xác định.

3. Phương pháp nghiên cứu:

- Nghiên cứu có hệ thống lý luận và thực tiễn liên quan đến Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ.

- Nghiên cứu thực tiễn tổ chức bộ máy, chính sách, các quy trình nghiệp vụ kiểm soát, kiểm toán tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.

4. Nội dung nghiên cứu:

Phạm vi giới hạn của đề tài là nghiên cứu lý luận và thực tiễn về hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Thương mại và Ngân hàng Công thương Việt Nam .

5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu:

- Đề tài luận giải có cơ sở khoa học về các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam

- Tạo cơ sở để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

- Kiến nghị các giải pháp thực hiện cụ thể, khả thi nhằm góp phần đưa hoạt động Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam đạt kết quả tốt nhất.

6. Kết cấu nội dung: gồm 3 chương

- Chương 1: Lý luận chung về hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ trong Ngân hàng Thương mại.

- Chương 2: Thực trạng của hệ thống Kiểm tra kiểm soát, Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRONG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái niệm và một số nội dung cơ bản về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại

1.1.1. Định nghĩa kiểm soát nội bộ

Khái niệm kiểm soát nội bộ đã hình thành và phát triển dần trở thành một hệ thống lý luận về vấn đề kiểm soát trong tổ chức. Quá trình nhận thức và nghiên cứu về kiểm soát nội bộ đã dẫn đến các quy định khác nhau từ giản đơn đến phức tạp về hệ thống này. Đến nay, định nghĩa được chấp nhận khá rộng rãi là:

“Kiểm soát nội bộ là một quá trình do người quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị chi phối, nó được thiết lập để cung cấp một sự bảo đảm hợp lý nhằm thực hiện mục tiêu dưới đây:

- Báo cáo tài chính đáng tin cậy
- Các luật lệ và quy định được tuân thủ
- Hoạt động hữu hiệu và hiệu quả”¹

Trong khái niệm trên, bốn nội dung cơ bản là quá trình, con người, đảm bảo hợp lý và mục tiêu. Chúng được hiểu như sau:

¹ Định nghĩa này được đưa ra vào năm 1992 bởi Committee of Sponsoring organization (viết tắt là COSO). COSO là một Ủy ban thuộc Hội đồng quốc gia Hoa kỳ về việc chống gian lận về báo cáo tài chính (National Commission on Financial Reporting, hay còn được gọi là Treadway Commission). Ủy ban này bao gồm đại diện của Hiệp hội kế toán viên công chứng Hoa kỳ (AICPA), Hiệp hội Kiểm toán viên nội bộ (IIA), Hiệp hội Quản trị viên tài chính (FEI), Hiệp hội Kế toán Hoa kỳ (AAA), Hiệp hội kế toán viên quản trị (IMA). Báo cáo của COSO được công bố với tiêu đề: Kiểm soát nội bộ- Khuôn khổ hợp nhất (Internal control-Integrated framework).

1.1.1.1. Kiểm soát nội bộ là một quá trình

Kiểm soát nội bộ bao gồm một chuỗi hoạt động kiểm soát hiện diện ở mọi bộ phận trong đơn vị và được kết hợp với nhau thành một thể thống nhất. Quá trình kiểm soát là phương tiện giúp cho đơn vị đạt được các mục tiêu của mình.

1.1.1.2. Kiểm soát nội bộ được thiết kế và vận hành bởi con người

Cần hiểu rằng kiểm soát nội bộ không chỉ đơn thuần là những chính sách, thủ tục, biểu mẫu...mà phải bao gồm cả những con người trong tổ chức như Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các nhân viên khác...Chính con người định ra mục tiêu, thiết lập cơ chế kiểm soát ở mọi nơi và vận hành chúng.

1.1.1.3. Kiểm soát nội bộ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý, chứ không phải đảm bảo tuyệt đối, là các mục tiêu sẽ được thực hiện

Vì khi vận hành hệ thống kiểm soát, những yếu kém có thể xảy ra do các sai lầm của con người nên dẫn đến không thực hiện được các mục tiêu. Kiểm soát nội bộ có thể ngăn chặn và phát hiện những sai phạm nhưng không thể đảm bảo là chúng không bao giờ xảy ra. Hơn nữa, một nguyên tắc cơ bản trong việc đưa ra quyết định quản lý là chi phí cho quá trình kiểm soát không thể vượt quá lợi ích được mong đợi từ quá trình kiểm soát đó. Do đó, tuy người quản lý có thể nhận thức đầy đủ về các rủi ro, thế nhưng nếu chi phí cho quá trình kiểm soát quá cao thì họ vẫn không áp dụng các thủ tục kiểm soát rủi ro.

1.1.2. Các bộ phận cấu thành của hệ thống kiểm soát nội bộ

Mặc dù có sự khác biệt đáng kể về tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ giữa các đơn vị vì phụ thuộc vào nhiều yếu tố như quy mô, tính chất hoạt động, mục tiêu... của từng nơi, thế nhưng bất kỳ hệ thống kiểm soát nội bộ nào cũng phải bao gồm những bộ phận cơ bản. Theo COSO, kiểm soát bao gồm các bộ phận sau:

- Môi trường kiểm soát
- Đánh giá rủi ro
- Hoạt động kiểm soát
- Thông tin và truyền thông
- Giám sát

1.1.2.1. Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát tạo ra phong thái của toàn doanh nghiệp và có ảnh hưởng đến ý thức về kiểm soát của các nhân viên. Nó là nền móng cho các yếu tố còn lại của hệ thống kiểm soát nội bộ. Các nhân tố chính về môi trường kiểm soát là:

- Tính chính trực và giá trị đạo đức: Sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trước tiên phụ thuộc vào tính chính trực và việc tôn trọng các giá trị đạo đức của những người liên quan đến các quá trình kiểm soát. Để đáp ứng yêu cầu này, các nhà quản lý cao cấp phải xây dựng những chuẩn mực về đạo đức trong đơn vị và cư xử đúng đắn để có thể ngăn cản không cho các thành viên có các hành vi thiếu đạo đức hoặc phạm pháp. Muốn vậy, những nhà quản lý cần phải làm gương cho cấp dưới về việc tuân thủ các chuẩn mực và cần phải phổ biến những quy định đến mọi thành viên bằng các thể chế thích hợp.

Một cách khác để nâng cao tính chính trực và sự tôn trọng các giá trị đạo đức là phải loại trừ hoặc giảm thiểu những sức ép hay điều kiện có thể dẫn đến nhân viên có những hành vi thiếu trung thực.

- Đảm bảo về năng lực: Là đảm bảo cho nhân viên có được những kỹ năng và hiểu biết cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của mình, nếu không chắc chắn họ sẽ thực hiện nhiệm vụ được giao không hữu hiệu quả. Do đó, nhà quản lý chỉ nên tuyển dụng các nhân viên có trình độ đào tạo và kinh nghiệm phù

hợp với nhiệm vụ được giao, và phải giám sát và huấn luyện họ đầy đủ và thường xuyên.

- Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán: Một sự lựa chọn của các ngân hàng trong nhiều quốc gia là thiết lập Ủy ban kiểm toán độc lập để giúp Hội đồng quản trị thực hiện những nhiệm vụ của họ. Đây là Ủy ban gồm một số thành viên trong và ngoài Hội đồng quản trị nhưng không tham gia vào việc điều hành đơn vị. Ủy ban Kiểm toán có thể có những đóng góp quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu của đơn vị, thông qua việc giám sát sự tuân thủ pháp luật, giám sát việc lập báo cáo tài chính, giữ sự độc lập của kiểm toán nội bộ...Do có các chức năng quan trọng trên nên sự hữu hiệu của Ủy ban kiểm toán và Hội đồng quản trị có ảnh hưởng đến môi trường kiểm soát.

Các nhân tố được xem xét để đánh giá sự hữu hiệu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán gồm mức độ độc lập, kinh nghiệm và uy tín của các thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán, và mối quan hệ của họ với bộ phận kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.

- Triết lý và phong cách điều hành của nhà quản lý: Triết lý quản lý thể hiện qua quan điểm và nhận thức của người quản lý; phong cách điều hành lại thể hiện qua cá tính, tư cách và thái độ của họ khi điều hành đơn vị. Sự khác biệt về triết lý quản lý và phong cách điều hành có thể ảnh hưởng đến môi trường kiểm soát và tác động đến việc thực hiện các mục tiêu của đơn vị. Triết lý quản lý và phong cách điều hành cũng được phản ánh trong cách thức mà nhà quản lý sử dụng các kênh thông tin và quan hệ với cấp dưới.

- Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức thực chất là sự phân chia trách nhiệm và quyền hạn giữa các bộ phận trong đơn vị, nó góp phần rất lớn trong việc đạt được các mục tiêu. Cơ cấu phù hợp sẽ là cơ sở cho việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát và giám sát các hoạt động.

- Cách thức phân định quyền hạn và trách nhiệm: Phân định quyền hạn và trách nhiệm được xem là phần mở rộng của cơ cấu tổ chức. Nó cụ thể hoá về quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên trong các hoạt động của đơn vị, giúp cho mỗi thành viên phải hiểu rằng họ có nhiệm vụ cụ thể gì và từng hoạt động của họ sẽ ảnh hưởng như thế nào đến người khác trong việc hoàn thành mục tiêu. Do đó, khi mô tả công việc, đơn vị cần phải thể chế hoá bằng văn bản về những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của từng thành viên và quan hệ giữa họ với nhau.

- Chính sách nhân sự: là các chính sách và thủ tục của nhà quản lý về việc tuyển dụng, huấn luyện, đánh giá, sa thải, đề bạt, khen thưởng và kỷ luật nhân viên. Chính sách nhân sự có ảnh hưởng đáng kể đến sự hữu hiệu của môi trường kiểm soát thông qua tác động đến các nhân tố trong môi trường kiểm soát như đảm bảo về năng lực, tính chính trực và giá trị đạo đức...

1.1.2.2. Đánh giá rủi ro

Đó là quy trình của doanh nghiệp để xác định và phân tích các rủi ro đối với việc hoàn thành các mục tiêu của doanh nghiệp, làm cơ sở cho việc xác định xem các rủi ro đó được quản lý như thế nào. Nó bao gồm việc xác định mục tiêu của đơn vị, nhận dạng rủi ro, phân tích và đánh giá rủi.

1.1.2.3. Hoạt động kiểm soát

Là những chính sách thủ tục để đảm bảo cho các chỉ thị của nhà quản lý được thực hiện. Các chính sách và thủ tục này giúp thực thi những hành động với mục đích chính là giúp kiểm soát rủi ro mà đơn vị đang hay có thể gặp phải. Có nhiều loại hoạt động kiểm soát khác nhau có thể thực hiện được như phân chia trách nhiệm đầy đủ; kiểm soát quá trình xử lý thông tin và các nghiệp vụ; kiểm soát vật chất; kiểm tra độc lập việc thực hiện, phân tích soát xét lại việc thực hiện.

1.1.2.4. Thông tin và truyền thông

Hỗ trợ việc xác định, nắm bắt và trao đổi các thông tin theo một hình thức và khuôn khổ thời gian tạo điều kiện cho các thành viên thực hiện các nhiệm vụ của mình. Hệ thống thông tin và báo cáo, bao gồm cả hệ thống công nghệ thông tin, các cơ chế giao tiếp và các kênh thông tin giữa các cấp và các bộ phận trong ngân hàng. Hệ thống này có sự phân cấp và bao hàm cả hệ thống cảnh báo rủi ro, hệ thống bảo mật và chống xâm phạm trái phép. Sự tương tác giữa các yếu tố cấu thành hệ thống này sẽ quyết định tính hữu hiệu, tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

1.1.2.5. Giám sát và sửa chữa những sai sót

Là quá trình đánh giá chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ. Việc này được thực hiện thông qua việc đánh giá thường xuyên, đánh giá riêng lẻ hay kết hợp hai hình thức. Dưới góc độ này thì kiểm toán nội bộ được xem là một phần của toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ.

1.1.3. Nhiệm vụ của hệ thống Kiểm soát nội bộ

1.1.3.1. Ngăn ngừa thiếu sót trong hệ thống xử lý nghiệp vụ

Các thủ tục kiểm soát phải được thiết kế sao cho có thể hướng các nghiệp vụ kinh tế xảy ra đúng nguyên tắc quy định, nhằm ngăn chặn kịp thời các sai sót, nhầm lẫn vô tình hay cố ý có thể gây thất thoát tiền bạc hoặc tài sản của ngân hàng, gây ra thiệt hại trong kinh doanh. Thí dụ để ngăn chặn thất thoát tiền bạc, ngân hàng quy định mọi khoản thu chi trước khi thủ quỹ thực hiện đều phải qua xét duyệt của kế toán, kiểm soát viên, kế toán trưởng...

1.1.3.2. Bảo vệ ngân hàng trước những thất thoát tài sản có thể tránh

Ngân hàng phải giữ gìn một lượng tiền mặt lớn đủ loại bao gồm tiền mặt và các phương tiện chuyển nhượng, chúng đòi hỏi phải được quản lý về mặt vật chất cả trong khâu lưu trữ cũng như khi chuyển tiền. Vì lý do này ngân hàng cần

phải thiết lập các quy trình hoạt động, xác định rõ giới hạn tự do cá nhân và lập ra một hệ thống kiểm soát nội bộ chặt chẽ với tài sản.

Ngoài đặc trưng trên, hầu hết các tài sản của ngân hàng đều không thể kiểm đếm được. Những tài sản này phần lớn bao gồm một giá trị lớn các khoản phải thu (phải thu tiền vay, phải thu tiền lãi, khoản dự phòng nợ khó đòi), các tài sản ngoại bảng (cam kết bảo lãnh, cam kết cho vay...) đòi hỏi ngân hàng càng phải đặc biệt chú trọng đến việc thiết lập một quy trình chặt chẽ bảo đảm kiểm soát được đầy đủ các tài sản nợ và có của ngân hàng.

1.1.3.3. Đảm bảo việc chấp hành chính sách kinh doanh

Cơ cấu kiểm soát nội bộ cần được thiết lập bao gồm những thủ tục để đảm bảo chính sách kinh doanh của ngân hàng được tất cả các nhân viên ngân hàng chấp hành. Chẳng hạn cần phải thiết kế các biện pháp kiểm tra để đảm bảo các cán bộ tín dụng sẽ thực hiện các khoản cho vay đúng theo quy định của ngân hàng; các kế toán giao dịch thực hiện đúng các quy trình ngân hàng đã quy định về mở tài khoản, chuyển tiền...

1.1.4. Những hạn chế tiềm tàng của hệ thống Kiểm soát nội bộ

Ở bất kỳ đơn vị nào, dù đã được đầu tư rất nhiều trong thiết kế và vận hành hệ thống, thế nhưng một hệ thống kiểm soát nội bộ vẫn không thể hoàn toàn hữu hiệu. Bởi lẽ ngay cả khi có thể xây dựng hệ thống hoàn hảo về cấu trúc, thì hiệu quả thật sự của nó vẫn tùy thuộc vào nhân tố chủ yếu là con người, tức là phụ thuộc vào năng lực làm việc và tính đáng tin cậy của lực lượng nhân sự. Nói cách khác hệ thống kiểm soát nội bộ chỉ có thể giúp hạn chế tối đa những sai phạm mà thôi, vì nó có các hạn chế tiềm tàng xuất phát từ những nguyên nhân sau đây:

- Những hạn chế xuất phát từ bản thân con người như sự vô ý, bất cẩn, đãng trí, đánh giá hay ước lượng sai, hiểu sai chỉ dẫn của cấp trên hoặc các báo cáo cấp dưới...

- Khả năng đánh lừa, lẩn tránh của nhân viên thông qua sự thông đồng với nhau hay với các bộ phận bên ngoài đơn vị.

- Hoạt động kiểm soát thường chỉ nhằm vào các nghiệp vụ thường xuyên phát sinh mà ít chú ý đến những nghiệp vụ không thường xuyên, do đó những sai phạm trong các nghiệp vụ này thường hay bị bỏ qua.

- Yêu cầu thường xuyên và trên hết của người quản lý là chi phí bỏ ra cho mọi hoạt động kiểm soát phải nhỏ hơn giá trị thiệt hại ước tính do sai sót gian lận gây ra.

- Luôn có khả năng là các cá nhân có trách nhiệm kiểm soát đã lạm dụng quyền hạn của mình nhằm phục vụ cho mưu đồ riêng.

- Điều kiện hoạt động của đơn vị thay đổi nên dẫn tới những thủ tục kiểm soát không còn phù hợp ...

1.1.5. Hệ thống lý luận về kiểm soát nội bộ ngân hàng theo báo cáo Basle²

1.1.5.1. Các mục tiêu và vai trò của các nguyên tắc kiểm soát nội bộ ngân hàng³

Theo Basle: “Kiểm soát nội bộ là một quá trình thực hiện bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên. Đó không chỉ là một thủ tục hoặc một chính sách thực hiện tại một thời điểm nào đó, mà còn tiếp diễn ở tất cả các

² Ủy ban Basle về hoạt động giám sát ngân hàng (Basle Committee on Banking Supervision) là một ủy ban gồm nhiều quan chức thanh tra ngân hàng do các Thống đốc Ngân hàng Trung ương của 10 quốc gia thành lập vào năm 1975. Ủy ban này gồm các đại diện cao cấp của các Cơ quan thanh tra ngân hàng và Ngân hàng Trung ương của Bỉ, Canada, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Luxemboug, Hà Lan, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Vương Quốc Anh, Hoa Kỳ. Ủy ban thường tổ chức họp tại Ngân hàng Thanh toán quốc tế ở Basle, là nơi đặt trụ sở của Ban chấp hành.

³ Đoạn 4, 5, 6, 7 phần II. Mục tiêu và vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ- Tài liệu Framework for Internal Control systems in Banking Organisations-Basle Committee 1998

cấp ngân hàng. Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trách nhiệm thiết lập môi trường văn hoá tạo thuận lợi cho quá trình kiểm soát nội bộ được hiệu quả và theo dõi sự hiệu quả đó được diễn ra liên tục; tuy nhiên, mỗi cá nhân trong một tổ chức phải tham gia vào quá trình đó. Những mục tiêu chủ yếu của quá trình kiểm soát nội bộ có thể được phân loại như sau:

- Những hoạt động có hữu hiệu và hiệu quả (mục tiêu hoạt động): ngân hàng phải có hiệu quả trong hoạt động của nó, đặc biệt là trong việc sử dụng các tài sản và các nguồn lực khác để kinh doanh sinh lời, đồng thời có thể kiểm soát và phòng chống được các rủi ro mà ngân hàng gặp phải. Hoạt động kiểm soát nội bộ còn phải tìm kiếm một sự bảo đảm rằng toàn bộ nhân viên trong ngân hàng đều làm việc để thực hiện mục tiêu của ngân hàng một cách có hiệu quả và trung thực, với những chi phí hợp lý, hoặc không phải chịu những chi phí đột xuất, vượt chi phí hay đặt lợi ích người khác (ví dụ của nhân viên, của nhà cung cấp, hay của khách hàng) lên trên lợi ích của ngân hàng.

- Sự đáng tin cậy, đầy đủ và kịp thời của các thông tin quản trị và tài chính (mục tiêu thông tin): ngân hàng phải có được hệ thống những sổ sách, hồ sơ, các báo cáo tài chính và các báo cáo hoạt động đầy đủ, chính xác và kịp thời để cung cấp cho các cấp điều hành của ngân hàng, các cơ quan có chức năng giám sát ngân hàng và các đối tác bên ngoài. Thông tin gửi tới Ban điều hành, Hội đồng quản trị, và các đối tượng khác phải đáng tin cậy, đầy đủ và trung thực để họ có thể dựa vào những thông tin này để ra quyết định. Thuật ngữ “đáng tin cậy” khi liên quan đến các báo cáo tài chính mang hàm ý rằng các báo cáo tài chính phải minh bạch và phải được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định có liên quan.

- Tuân thủ các quy định và luật lệ thích hợp (mục tiêu tuân thủ): mọi hoạt động nghiệp vụ và hoạt động trong ngân hàng phải tuân thủ các quy định, các cơ

chế chính sách pháp luật hiện hành, các chiến lược, các chính sách kinh doanh và quy trình mà ngân hàng ban hành .

1.1.5.2. Các nguyên tắc của hệ thống Kiểm soát nội bộ ngân hàng

Ủy ban Basle đã đề ra 13 nguyên tắc thiết kế và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ ngân hàng ⁴. Về cơ bản, các nguyên tắc này tương tự như các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội theo báo cáo của COSO. Cụ thể như sau:

Giám sát điều hành và văn hoá kiểm soát

(1) Nguyên tắc 1:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm phê duyệt và kiểm tra định kỳ toàn bộ chiến lược kinh doanh và những chính sách quan trọng của ngân hàng; hiểu rõ những rủi ro trọng yếu của ngân hàng, xây dựng những mức độ có thể chấp nhận đối với các rủi ro này và đảm bảo rằng Ban điều hành đã thực hiện các bước cần thiết để xác định, đo lường, giám sát và kiểm tra những rủi ro này; phê duyệt cơ cấu tổ chức; và đảm bảo rằng Ban điều hành đang giám sát sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm sau cùng về việc thiết lập và duy trì một hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hiệu quả.

(2) Nguyên tắc 2:

Ban điều hành chịu trách nhiệm thi hành những chiến lược và chính sách đã được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị; nâng cao việc xác định, đo lường, giám sát và kiểm tra những rủi ro mắc phải của ngân hàng; duy trì một cơ cấu tổ chức trong đó có sự phân công rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn và các mối quan hệ giữa các bộ phận; đảm bảo rằng đã thực hiện nhiệm vụ được giao

⁴ Phần III và IV. Các bộ phận của hệ thống kiểm soát nội bộ - Tài liệu Framework for Internal Control systems in Banking Organisations-Basle Committee 1998

phó một cách có hiệu quả; thiết lập những chính sách kiểm soát nội bộ thích hợp; kiểm tra sự đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

(3) Nguyên tắc 3:

Hội đồng quản trị và Ban điều hành có trách nhiệm nâng cao đạo đức và tính chính trực, và thiết lập văn hoá trong đó nhấn mạnh và làm cho tất cả nhân viên thấy rõ tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ. Tất cả nhân viên ngân hàng cần phải hiểu vai trò của mình trong quá trình kiểm soát nội bộ và thực sự tham gia vào quá trình đó.

Nhận biết và đánh giá rủi ro

(4) Nguyên tắc 4:

Một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đòi hỏi rằng những rủi ro trọng yếu ảnh hưởng có hại đến việc hoàn thành mục tiêu của ngân hàng phải được nhận biết và đánh giá liên tục. Sự đánh giá này phải bao trùm tất cả các rủi ro trong hoạt động của ngân hàng (đó là, rủi ro tín dụng, rủi ro chính sách quốc gia, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản, rủi ro vận hành, rủi ro pháp lý và rủi ro thương hiệu). Kiểm soát nội bộ cần xem lại những rủi ro chưa được kiểm soát trước đây cũng như mới phát sinh.

Hoạt động kiểm soát và sự phân công, phân nhiệm

(5) Nguyên tắc 5:

Hoạt động kiểm soát phải là một công việc quan trọng trong các hoạt động hàng ngày của ngân hàng. Một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đòi hỏi phải thiết lập một cơ cấu kiểm soát thích hợp, trong đó sự kiểm soát được xác định ở mỗi mức hoạt động. Những điều này bao gồm kiểm tra ở mức độ cao nhất; kiểm tra hoạt động đối với các bộ phận, các phòng ban khác nhau; kiểm kê; kiểm tra sự tuân thủ những quy định ban hành và theo dõi sự không tuân thủ; một hệ thống đã được phê duyệt và uỷ quyền; và, một hệ thống kiểm tra và đối chiếu.

(6) Nguyên tắc 6:

Một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đòi hỏi rằng có sự phân công nhiệm vụ hợp lý và các nhân viên đó không được phân công mâu thuẫn với trách nhiệm. Những xung đột về quyền lợi phải được nhận biết, giảm thiểu tối đa và tùy thuộc vào sự kiểm soát độc lập, thận trọng.

Thông tin và truyền thông

(7) Nguyên tắc 7:

Một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đòi hỏi có dữ liệu đầy đủ và tổng thể về sự tuân thủ, về tình hình hoạt động và tình hình tài chính, cũng như là những thông tin thị trường bên ngoài về những sự kiện và điều kiện mà nó xác đáng đến việc đưa ra quyết định. Thông tin phải đáng tin cậy, kịp thời, có thể sử dụng được và được trình bày theo biểu mẫu.

(8) Nguyên tắc 8:

Một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đòi hỏi một hệ thống thông tin đáng tin cậy, có thể đáp ứng cho hầu hết các hoạt động chủ yếu của ngân hàng. Hệ thống này phải được lưu trữ và sử dụng dữ liệu bằng máy tính, an toàn, được theo dõi độc lập và được kiểm tra đột xuất, đầy đủ.

(9) Nguyên tắc 9:

Một hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả đòi hỏi kênh trao đổi thông tin hiệu quả để đảm bảo rằng tất cả nhân viên đã hiểu đầy đủ và tuân thủ triệt để các chính sách và các thủ tục có liên quan đến trách nhiệm và nhiệm vụ của họ và đảm bảo rằng những thông tin cần thiết khác cũng đã được phổ biến đến các nhân viên có liên quan.

Giám sát và sửa chữa những sai sót

(10) Nguyên tắc 10:

Hiệu quả toàn diện của hệ thống kiểm soát nội bộ là việc theo dõi, kiểm tra phải liên tục. Việc theo dõi những rủi ro trọng yếu phải là công việc hàng ngày của ngân hàng, cũng như là việc đánh giá định kỳ của bộ phận kinh doanh và kiểm toán nội bộ.

(11) Nguyên tắc 11:

Phải có kiểm toán nội bộ toàn diện, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ được thực hiện bởi những người có đủ khả năng, được đào tạo thích hợp và có thể làm việc độc lập. Chức năng kiểm toán nội bộ, cũng là việc theo dõi hệ thống kiểm soát nội bộ, phải được báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, và Ban điều hành.

(12) Nguyên tắc 12:

Những sai sót của hệ thống kiểm soát được phát hiện bởi bộ phận kinh doanh, kiểm toán nội bộ, hoặc các nhân viên khác, thì phải được báo cáo kịp thời cho cấp quản lý thích hợp và ghi nhận ngay lập tức. Những sai sót trọng yếu của kiểm soát nội bộ phải được báo cáo cho Ban điều hành và Hội đồng quản trị.

Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua cơ quan thanh tra ngân hàng

(13) Nguyên tắc 13:

Cán bộ thanh tra đòi hỏi rằng tất cả các ngân hàng, không kể độ lớn, cần có hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, phù hợp với bản chất, sự phức tạp, rủi ro vốn có của hoạt động nội và ngoại bảng tổng kết và thích nghi được với sự thay đổi môi trường, điều kiện của ngân hàng. Các thanh tra sẽ xác định hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng có hiệu quả và đầy đủ cho danh mục rủi ro riêng biệt của ngân hàng đó hay không (ví dụ, không bao gồm tất cả những nguyên tắc chứa đựng trong tài liệu này), khi đó họ sẽ đưa ra hành động thích hợp.

1.2. Khái niệm kiểm toán và những nguyên tắc cơ bản đảm bảo hiệu quả của hoạt động Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng thương mại

1.2.1. Khái niệm kiểm toán

“Kiểm toán là quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng về những thông tin được kiểm tra nhằm xác định và báo cáo về mức độ phù hợp giữa thông tin đó với các chuẩn mực đã được thiết lập. Quá trình kiểm toán phải được thực hiện bởi các kiểm toán viên có đủ năng lực và độc lập”⁵

1.2.2. Chức năng của kiểm toán

- Kiểm toán hoạt động: là tiến trình kiểm tra và đánh giá về sự hữu hiệu và tính hiệu quả của một hoạt động để đề xuất phương án cải tiến. Ở đây sự hữu hiệu là mức độ hoàn thành nhiệm vụ hay mục tiêu, còn tính hiệu quả là sự so sánh giữa kết quả đạt được và nguồn lực đã sử dụng.

Đối tượng của loại hình này rất đa dạng, cụ thể có thể bao gồm:

+ Kiểm tra việc huy động, phân phối, sử dụng một cách tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật tư, hàng hoá, tài sản, tiền vốn...) của doanh nghiệp.

+ Kiểm tra tính hiệu quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh; phân phối và sử dụng thu nhập; kết quả bảo toàn và phát triển vốn.

+ Kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả hoạt động của các bộ phận chức năng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

Do tính đa dạng của kiểm toán hoạt động, nên người ta không thể đưa ra chuẩn mực chung để đánh giá, mà chuẩn mực sẽ được xác định tùy theo từng đối tượng cụ thể của cuộc kiểm toán và theo nhận thức của kiểm toán viên. Vì vậy, nếu các chuẩn mực kiểm toán không được xác định một cách rõ ràng và chặt

⁵ Kiểm toán, trường đại học kinh tế TP HCM, năm 2006, trang 1

chẽ, việc kiểm tra và đưa ra ý kiến có thể phụ thuộc vào chủ quan của kiểm toán viên.

- Kiểm toán tuân thủ: là việc kiểm tra nhằm đánh giá mức độ chấp hành một quy định nào đó ví dụ như văn bản pháp luật, văn bản hay quy định của đơn vị.

Đối tượng của loại này rất đa dạng, cụ thể có thể bao gồm:

+ Kiểm tra tính tuân thủ luật pháp, chính sách, chế độ tài chính kế toán, chế độ quản lý nhà nước và tình hình chấp hành các chính sách, nghị quyết, quyết định hay quy chế của Hội đồng quản trị, của Ban giám đốc.

+ Kiểm tra tính tuân thủ các quy định về nguyên tắc, quy trình nghiệp vụ, thủ tục quản lý của toàn bộ cũng như của từng khâu công việc của từng bộ phận trong hệ thống Kiểm soát nội bộ.

+ Kiểm tra sự chấp hành các nguyên tắc, các chính sách, các chuẩn mực kế toán từ khâu lập chứng từ, vận dụng hệ thống tài khoản, ghi sổ kế toán, tổng hợp thông tin và trình bày báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị đến lưu trữ tài liệu kế toán.

Chuẩn mực dùng để đánh giá là những văn bản liên quan, ví dụ như Luật thuế, các văn bản pháp quy, các nội quy, các hợp đồng...

- Kiểm toán báo cáo tài chính: là sự kiểm tra và trình bày ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính của một đơn vị. Do báo cáo tài chính bắt buộc được phải lập theo các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, nên chuẩn mực và chế độ kế toán được sử dụng làm thước đo trong kiểm toán báo cáo tài chính.

Kiểm toán báo cáo tài chính thường được thực hiện bởi các kiểm toán viên độc lập, và kết quả kiểm toán để phục vụ cho đơn vị, nhà nước và bên thứ ba, trong đó chủ yếu là cho nhà đầu tư, ngân hàng, nhà cung cấp, cổ đông...

1.2.3. Kiểm toán nội bộ

Phân loại theo chủ thể kiểm toán: bao gồm có, kiểm toán nội bộ, kiểm toán của Nhà nước và kiểm toán độc lập. Đề tài tập trung nghiên cứu chủ yếu về kiểm toán nội bộ.

- Kiểm toán nội bộ là nhân viên của đơn vị thực hiện, họ có thể thực hiện cả ba loại kiểm toán là kiểm toán hoạt động, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán báo cáo tài chính, với thế mạnh là kiểm toán hoạt động. Để có thể hoạt động hữu hiệu, bộ phận kiểm toán nội bộ cần được tổ chức độc lập với bộ phận được kiểm toán. Tuy nhiên, do kiểm toán viên nội bộ là nhân viên của đơn vị nên kết quả kiểm toán nội bộ chỉ có giá trị đối với đơn vị và thường không đạt sự tin cậy của những người bên ngoài.

- Phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ rất đa dạng và tùy thuộc và quy mô và cơ cấu tổ chức của đơn vị, cũng như yêu cầu các nhà quản lý đơn vị. Theo Basle, trên góc độ tổng thể, kiểm toán nội bộ phải thực hiện các nhiệm vụ sau ⁶ :

+ Kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ;

+ Xem xét các ứng dụng và hiệu lực của các quy trình quản lý rủi ro và phương pháp đo lường rủi ro;

+ Xem xét việc điều hành và hệ thống thông tin tài chính, bao gồm cả hệ thống thông tin điện tử và dịch vụ ngân hàng điện tử;

+ Xem xét sự chính xác và độ tin cậy của sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính;

⁶ Đoạn 11 phần Nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ - Tài liệu Internal audit in banking organisations and the relationship of the supervisory authorities with internal and external auditors -Basle July 2000.

- + Xem xét hệ thống đánh giá mối quan hệ giữa rủi ro với các tỷ lệ an toàn của ngân hàng;
- + Đánh giá việc tiến hành và hiệu quả của những quy trình kiểm soát nội bộ cụ thể;
- + Đánh giá sự tuân thủ đối với luật và các quy định, nguyên tắc công việc, việc tiến hành các chính sách kinh doanh và quy trình của ngân hàng;
- + Đánh giá tính trung thực, độ tin cậy và tính kịp thời của các báo cáo định kỳ;
- + Tiến hành các cuộc điều tra cụ thể.

1.2.4. Các nguyên tắc hoạt động của kiểm toán nội bộ ⁷

1.2.4.1. Nguyên tắc về tính lâu dài - liên tục

Kiểm toán nội bộ trong ngân hàng phải là công việc thường xuyên mang tính chiến lược. Để thực hiện bốn phận và trách nhiệm của mình, Ban điều hành nên tiến hành những biện pháp cần thiết để tận dụng kết quả công việc của kiểm toán nội bộ. Những biện pháp này bao gồm việc cung cấp những nguồn lực phù hợp và hỗ trợ cho bộ phận kiểm toán nội bộ để nó đạt được những mục tiêu của hoạt động là đảm bảo sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động ngân hàng.

1.2.4.2. Nguyên tắc về tính độc lập

Ban kiểm toán nội bộ của ngân hàng phải độc lập với các hoạt động chịu kiểm toán. Ban kiểm toán nội bộ phải độc lập với các hoạt động kiểm soát hàng ngày trong quy trình điều hành. Điều này có nghĩa là bộ phận kiểm toán nội bộ phải có một vị thế độc lập và phù hợp trong cơ cấu tổ chức của ngân hàng để có thể thực hiện các nhiệm vụ của nó một cách khách quan và công bằng.

⁷ Nguyên tắc 4, 5, 6, 7, 8, 9 - Tài liệu Internal audit in banking organisations and the relationship of the supervisory authorities with internal and external auditors-Basle July 2000.

Ban kiểm toán nội bộ phải được thực hiện các nhiệm vụ của nó một cách chủ động đối với tất cả các phòng ban, các tổ chức và các mặt hoạt động của ngân hàng. Nó phải được chủ động báo cáo các phát hiện, các đánh giá và các kết quả kiểm toán trong nội bộ ngân hàng. Nguyên tắc độc lập đòi hỏi rằng Ban kiểm toán nội bộ sẽ hoạt động dưới sự điều hành trực tiếp của hoặc Tổng giám đốc, hoặc Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán (nếu có) dựa trên điều lệ hoạt động của ngân hàng.

Người đứng đầu Ban kiểm toán nội bộ có thẩm quyền liên hệ trực tiếp một cách chủ động với Hội đồng quản trị, chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên của Ủy ban kiểm toán (nếu có) hoặc Kiểm toán viên độc lập từ bên ngoài nếu cần thiết, căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động kiểm toán nội bộ của ngân hàng.

1.2.4.3. Nguyên tắc về quy chế kiểm toán nội bộ

Quy chế kiểm toán nội bộ của ngân hàng là những định chế nhằm đảm bảo vị trí, nghĩa vụ và quyền hạn của hệ thống kiểm toán nội bộ (có thể bao gồm cả Ủy ban kiểm toán) của ngân hàng.

Quy chế kiểm toán nội bộ phải quy định ít nhất các nội dung sau:

- Nhiệm vụ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ;
- Mô hình tổ chức kiểm toán nội bộ trong ngân hàng;
- Vị trí của bộ phận kiểm toán nội bộ trong hệ thống tổ chức của ngân hàng, thẩm quyền và trách nhiệm của nó;
- Trách nhiệm của người đứng đầu bộ phận kiểm toán nội bộ.

Quy chế này phải được đúc rút và xem xét định kỳ bởi Ban kiểm toán nội bộ hoặc Ủy ban kiểm toán, nó phải được phê duyệt bởi Ban điều hành hay bởi Hội đồng quản trị như một trách nhiệm trong vai trò kiểm soát của họ.

Theo quy chế này, Ban kiểm toán nội bộ được chủ động truy cập trực tiếp đến bất kỳ thông tin nào hay với bất kỳ một nhân viên nào, xem xét một hay toàn bộ các hoạt động của ngân hàng, bao gồm cả các thông tin quản lý, các biên bản làm việc, các hồ sơ tài liệu của bất kỳ một bộ phận hay nhân viên nào, bất cứ khi nào có những thông tin có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ.

Quy chế kiểm toán nội bộ phải được truyền đạt đến toàn thể nhân viên.

1.2.4.4. Nguyên tắc về tính khách quan

Bộ phận kiểm toán nội bộ hoạt động trên nguyên tắc khách quan và công minh, có nghĩa là nó phải ở vị trí có thể tác nghiệp một cách không thành kiến và không bị tác động.

Khách quan và công minh đòi hỏi rằng Ban kiểm toán nội bộ phải tránh để không xung đột với bất kỳ lợi ích nào. Nhân viên của Ban kiểm toán nội bộ nên được luân chuyển định kỳ khi có thể. Kiểm toán viên nội bộ được lựa chọn từ các nhân viên ngân hàng không nên kiểm toán ở những hoạt động hoặc lĩnh vực mà họ đã làm trước đây.

Tính khách quan đòi hỏi Ban kiểm toán nội bộ không được tham gia vào các hoạt động điều hành hàng ngày của ngân hàng hay tham gia vào việc xây dựng hoặc áp dụng các biện pháp kiểm soát nội bộ vì việc này sẽ làm giảm tính độc lập và khách quan trong các đánh giá của Ban kiểm toán nội bộ.

Tuy nhiên yêu cầu về tính khách quan không loại trừ khả năng Ban điều hành cần tư vấn của Ban kiểm toán nội bộ về những vấn đề cụ thể liên quan đến sự tuân thủ những nguyên tắc kiểm soát nội bộ.

1.2.4.5. Nguyên tắc về năng lực chuyên môn

Năng lực chuyên môn của mỗi kiểm toán viên nội bộ và Ban kiểm toán nội bộ trên tổng thể là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ của ngân hàng.

Năng lực chuyên môn của các kiểm toán viên nội bộ phải được duy trì thông qua một hệ thống đào tạo liên tục một cách hệ thống tất cả các nhân viên. Mọi nhân viên của bộ phận kiểm toán nội bộ phải có lượng kiến thức được cập nhật đầy đủ về kỹ năng kiểm toán và hoạt động của ngân hàng.

1.2.4.6. Nguyên tắc về phạm vi hoạt động

Mọi hoạt động và tất cả các bộ phận của ngân hàng đều là đối tượng của hoạt động kiểm toán nội bộ. Bất kỳ một hoạt động hay bộ phận nào của ngân hàng, bao gồm cả các hoạt động của các chi nhánh và công ty con đều có thể là đối tượng thẩm tra của Ban kiểm toán nội bộ.

Trên góc độ tổng thể, phạm vi của hoạt động kiểm toán nội bộ bao gồm việc xem xét và đánh giá sự phù hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Đặc biệt, Ban kiểm toán nội bộ phải đánh giá được:

- Sự tuân thủ các chính sách của ngân hàng và hiệu quả hoạt động kiểm soát rủi ro (cả lượng hoá được và không lượng hoá được),
- mức độ tin cậy (bao gồm cả tính trung thực, tính chính xác và tính đầy đủ) và tính kịp thời của các thông tin tài chính và quản lý, bao gồm cả báo cáo từ bên ngoài,
- sự liên tục và tính tin cậy của hệ thống thông tin điện tử, và
- chức năng của các phòng ban nghiệp vụ.

Ban kiểm toán nội bộ phải quan tâm đầy đủ đến các văn bản luật và quy định liên quan đến hoạt động của ngân hàng, bao gồm các chính sách, các nguyên tắc, các quy định và đường lối chỉ đạo được ban hành bởi cấp thẩm quyền quy định tổ chức và hoạt động của ngân hàng. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ sẽ luôn đảm bảo được sự tuân thủ hoàn toàn các quy định này.

Nếu ngân hàng có một hệ thống lớn các chi nhánh, Ban kiểm toán nội bộ cần quan tâm đến việc thiết lập Phòng kiểm toán nội bộ địa phương để đảm bảo hiệu lực và tính liên tục của công việc. Những phòng kiểm toán nội bộ tại chỗ như vậy nên là một bộ phận trực thuộc của Ban kiểm toán nội bộ và nên được tổ chức phù hợp với những nguyên tắc hoạt động của kiểm toán nội bộ.

1.3. Mối quan hệ giữa cơ quan giám sát ngân hàng với kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập⁸

Cơ quan giám sát ngân hàng tại tất cả các quốc gia đều thực hiện giám sát hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ các ngân hàng trong phạm vi quản lý của mình, thông qua các báo cáo, các cuộc gặp gỡ định kỳ hoặc khảo sát thực tế nhằm thảo luận về chức năng của kiểm toán nội bộ, các phát hiện của kiểm toán nội bộ, làm rõ các rủi ro và các điểm yếu cần giải quyết tại các ngân hàng.

Tất cả các cơ quan giám sát ngân hàng đều nhấn mạnh tầm quan trọng của sự trao đổi thường xuyên giữa kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập. Tại nhiều quốc gia, kiểm toán độc lập sử dụng kết quả của kiểm toán nội bộ khi tiến hành công việc của mình, tuy nhiên trước tiên, họ phải sử dụng nhiều biện pháp để xác định phạm vi mà họ có thể dựa vào kết quả của kiểm toán nội bộ. Điều này cho phép kiểm toán độc lập làm việc hiệu quả hơn và tránh được sự trùng lặp trong công việc.

Vai trò của kiểm soát độc lập rất khác nhau giữa các quốc gia, từ không tham gia vào giám sát cho tới hợp tác rất chặt chẽ với cơ quan giám sát. Theo kiến nghị của Ủy ban Basle, kiểm toán viên độc lập cần được phép công bố thông tin cho cơ quan giám sát trong các trường hợp cần thiết, đồng thời cơ quan

⁸ Tóm tắt từ nguyên tắc 13 đến 18 - Tài liệu Internal audit in banking organisations and the relationship of the supervisory authorities with internal and external auditors-Basle July 2000.

giám sát cũng có quyền công bố cho kiểm toán độc lập các thông tin khiến cơ quan giám sát quan ngại hoặc các thông tin mà có thể ảnh hưởng đến công việc của kiểm toán độc lập.

Kết luận chương 1

Kiểm soát nội bộ là các chính sách quy trình, thủ tục, thông lệ và cơ cấu tổ chức được thiết lập nhằm các mục tiêu: đảm bảo ngân hàng hoạt động tuân thủ pháp luật và các quy định, quy trình nội bộ về quản lý và hoạt động, các chuẩn mực đạo đức do ngân hàng đặt ra; đảm bảo mức độ tin cậy và tính trung thực của các thông tin tài chính và phi tài chính; bảo vệ, quản lý tài sản và các nguồn lực một cách kinh tế và hiệu quả; hỗ trợ thực hiện các mục tiêu do Ban lãnh đạo ngân hàng đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm năm yếu tố: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cuối cùng về mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ thông qua một bộ phận chuyên trách độc lập. Bộ phận này chính là Bộ phận kiểm toán nội bộ của ngân hàng. Kiểm toán nội bộ là hoạt động kiểm toán khách quan, độc lập và đồng thời là hoạt động tư vấn nhằm đem lại các giá trị nhất định cho ngân hàng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Hoạt động kiểm toán nội bộ giúp cho Ngân hàng thương mại hoàn thành các mục tiêu của mình bằng việc xây dựng một phương pháp làm việc có hệ thống, có tính kỷ luật cho việc đánh giá và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý rủi ro, kiểm soát và quản trị.

Hoạt động kinh doanh của ngân hàng luôn tiềm ẩn rủi ro nên phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ thích hợp để đảm bảo kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện rủi ro. Một hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả cho ngân hàng theo tiêu chuẩn của Basle phải bao gồm năm yếu tố: tạo ra môi trường văn hoá kiểm

soát mạnh mẽ; nhận biết và đánh giá rủi ro đầy đủ; tổ chức hoạt động kiểm soát chặt chẽ và phân công, phân nhiệm rạch ròi; xây dựng hệ thống thông tin và truyền thông hiệu quả và cuối cùng là giám sát thường xuyên và sửa chữa sai sót kịp thời. Kiểm toán nội bộ cần được cung cấp đầy đủ các nguồn lực cần thiết (cả con người và thiết bị), được chủ động tiếp cận tới mọi thông tin cần thiết, tuân thủ các quy định của pháp luật, ngân hàng và thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực được chấp nhận rộng rãi.

Tóm lại, hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ có một vai trò quan trọng, quyết định sự thành bại của một ngân hàng. Nó giúp cho ngân hàng có thể vận hành hiệu quả trên mọi lĩnh vực hoạt động. Cùng với sự phát triển của xã hội và kỹ thuật hiện đại, rủi ro ngày càng phát sinh với mức độ đa dạng hơn, phức tạp hơn. Do vậy việc không ngừng hoàn thiện hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ luôn là vấn đề bức thiết cho các ngân hàng cùng với việc mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CỦA HỆ THỐNG KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ CỦA NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

2.1. Giới thiệu về Ngân hàng Công thương Việt Nam

2.1.1 Sơ lược về Ngân hàng Công thương Việt Nam

Thực hiện chính sách đổi mới cơ chế quản lý theo nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tháng 7 năm 1998 Ngân hàng Công thương Việt Nam (NHCTVN) được thành lập theo Nghị định số 53/HĐBT ngày 26/3/1998 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), NHCTVN là một trong bốn Ngân hàng thương mại Nhà nước lớn nhất của Việt Nam, và được xếp hạng là một trong 23 doanh nghiệp đặc biệt của Việt Nam.

Hệ thống mạng lưới của NHCTVN gồm Trụ sở chính, hai Văn phòng Đại diện, hai Sở Giao dịch lớn (Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh), 134 chi nhánh, 150 phòng giao dịch, 425 điểm giao dịch và quỹ tiết kiệm, 336 máy rút tiền tự động (ATM), Trung tâm Công nghệ Thông tin (tại Hà Nội), Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực (tại Hà Nội).

NHCTVN là chủ sở hữu các công ty con: Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Công thương, Cty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương và Công ty quản lý và khai thác tài sản Ngân hàng Công thương.

NHCTVN là đồng sáng lập và cổ đông chính trong Indovina Bank, Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC), Công ty liên doanh bảo hiểm Châu Á (IAI), Công ty Chuyển mạch Tài chính quốc gia Việt Nam.

NHCTVN có quan hệ ngân hàng đại lý với 776 ngân hàng trên khắp toàn cầu, có thể đi bằng điện Swift có gắn mã khoá thẳng trực tiếp tới 18.312 ngân hàng, chi nhánh và văn phòng đại diện của họ trên toàn cầu.

Các sản phẩm dịch vụ tài chính của NHCTVN: Các dịch vụ ngân hàng bán buôn và bán lẻ trong và ngoài nước, tiền gửi, thanh toán, cho vay và đầu tư, bảo lãnh và tái bảo lãnh, tài trợ thương mại, chuyển tiền, phát hành và thanh toán các loại thẻ trong nước và thẻ tín dụng quốc tế, séc du lịch, kinh doanh ngoại hối, kinh doanh chứng khoán, bảo hiểm và cho thuê tài chính v.v...

NHCTVN là thành viên chính thức của:

- Hiệp hội các Ngân hàng Châu Á (ABA)
- Hiệp hội các ngân hàng Việt Nam (VNBA)
- Hiệp hội Thanh toán Viễn thông Liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT)
- Hiệp hội thẻ Visa/Master
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
- Hiệp hội các Định chế tài chính cho vay Doanh nghiệp vừa và nhỏ APEC
- Hiệp hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam.

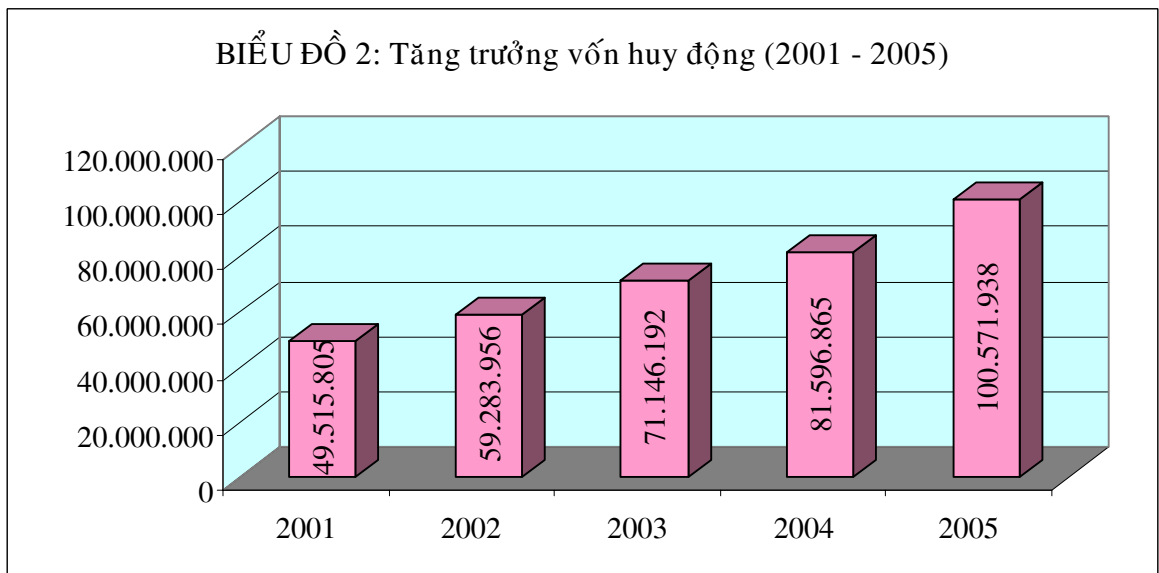
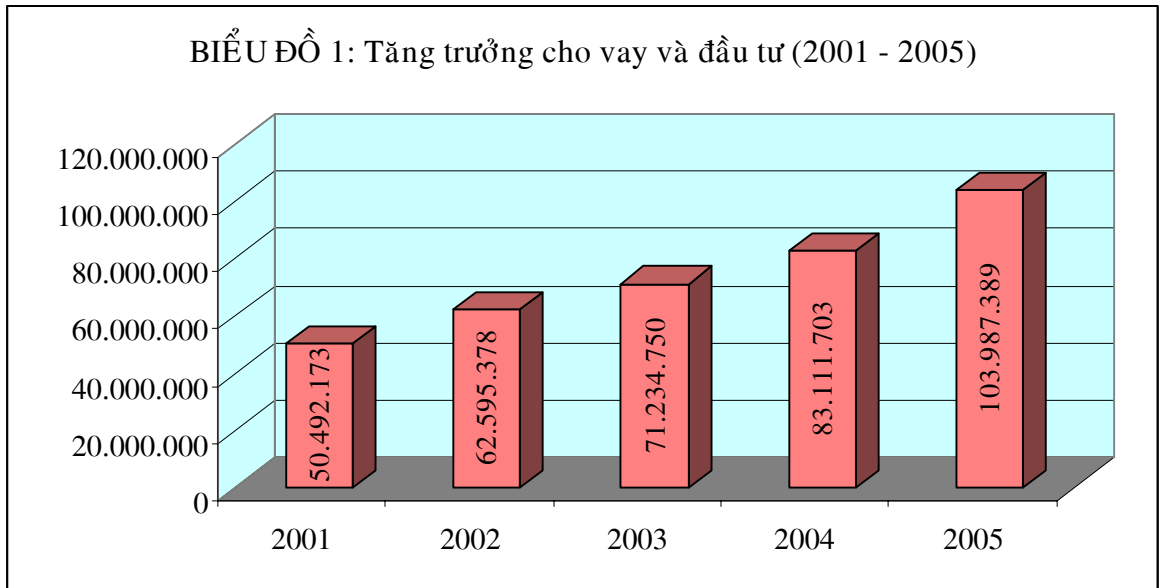
2.1.2 Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Công thương Việt Nam qua các năm⁹

Bảng 1: Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2001-2005

Đơn vị: Triệu VNĐ

Năm	31/12/2001	31/12/2002	31/12/2003	31/12/2004	31/12/2005
Chỉ tiêu					
TỔNG TÀI SẢN	58.336.541	67.980.412	80.887.100	93.270.804	116.373.386
- Tổng cho vay và đầu tư kinh doanh	50.492.173	62.595.378	71.234.750	83.111.703	103.987.389
Tr.đó dư nợ cho vay nền kinh tế	39.594.178	47.120.856	51.778.532	64.159.522	75.885.674
- Vốn huy động	49.515.805	59.283.956	71.146.192	81.596.865	100.571.938
- Vốn chủ sở hữu	1.827.561	3.173.697	4.154.083	4.908.773	5.071.631
- Lợi nhuận sau thuế	153.153	175.523	205.186	206.869	403.177
- Lợi nhuận/TSC (ROA)	0,26%	0,26%	0,25%	0,22%	0,35%
- Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE)	8,38%	5,53%	4,90%	4,21%	7,95%
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	2,08%	5,57%	6,08%	6,30%	6,07%

⁹ Báo cáo thường niên 2005.



Là một ngân hàng thương mại quốc doanh có thị phần hoạt động lớn chiếm gần 1/6 ngành ngân hàng, hoạt động của NHCTVN có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển kinh tế chung của cả nước. Trong năm 2005, NHCTVN đã hết sức nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh, đạt mức lợi nhuận cao hơn hẳn những năm trước, thay đổi lớn về công nghệ và tổ chức, tiếp tục cơ cấu lại tài sản theo hướng phát triển bền vững và hiệu quả. NHCTVN đã hoàn thành cơ bản Đề án tái cơ cấu NHCTVN, xử lý dứt điểm giải quyết hết số nợ tồn đọng, tỷ lệ nợ xấu

phân loại theo tiêu chuẩn quốc tế dưới 3%, chất lượng tài sản nợ, tài sản có được cơ cấu lại tốt hơn; các chỉ tiêu về quy mô, tốc độ tăng trưởng, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả đều tăng hơn các năm trước, tình hình tài chính được cải thiện lành mạnh, các hoạt động kinh doanh nghiệp vụ, dịch vụ đang được đổi mới, có nhiều tiến bộ và đạt được nhiều kết quả về cải tiến công nghệ, hiện đại hoá ngân hàng.

Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2010, tiếp tục đổi mới hoàn thiện hệ thống tài chính-ngân hàng và Đề án tái cơ cấu lại Ngân hàng Công thương Việt Nam giai đoạn 2001-2010. Mục tiêu phát triển của Ngân hàng Công thương Việt Nam đến năm 2010 là:

“Xây dựng Ngân hàng Công thương Việt Nam thành một Ngân hàng thương mại chủ lực và hiện đại của Nhà nước, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tài chính lành mạnh, có kỹ thuật công nghệ cao, kinh doanh đa năng, chiếm thị phần lớn ở Việt Nam”

2.2. Thực trạng hoạt động kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ của các Ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và của Ngân hàng Công thương nói riêng

2.2.1. Những vướng mắc về mặt pháp lý trong các quy định hướng dẫn về kiểm tra kiểm soát, kiểm toán nội bộ

2.2.1.1. Luật các tổ chức tín dụng năm 1997

Từ khi hai Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật các tổ chức tín dụng có hiệu lực, hoạt động kinh doanh của ngân hàng ngày càng mở rộng, thì vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ mới bắt đầu được quan tâm xây dựng và củng cố. Hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của các tổ chức tín dụng Việt Nam được xây dựng và vận hành trên cơ sở Luật các tổ chức tín dụng ban hành năm 1997 và quy chế về kiểm tra, kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng ban

hành kèm theo Quyết định số 03/1998/QĐ-NHNN3 ngày 03/01/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Theo đó, các tổ chức tín dụng Việt Nam thiết lập một bộ phận kiểm tra kiểm toán nội bộ chuyên trách chịu sự quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo hệ thống ngành dọc từ Trụ sở chính (Phòng, Ban) và tới các chi nhánh (tổ kiểm tra, kiểm toán hoặc bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ). Hệ thống các văn bản về hoạt động kiểm soát, kiểm toán còn nhiều bất cập, vì vậy hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam chưa tương thích với hệ thống kiểm toán nội bộ của các ngân hàng có cơ cấu tổ chức khoa học và so với các chuẩn mực kiểm toán nội bộ, mô hình hiện tại về kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng Việt Nam không đảm bảo được chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ:

- Cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm soát nội bộ còn sơ sài, chưa rõ ràng, dẫn tới các ngân hàng thương mại chưa hiểu đúng, đầy đủ về công tác này. Luật các tổ chức tín dụng tại các điều 41, 42, 43, 44 quy định hệ thống kiểm tra, kiểm toán nội bộ nhưng chưa được đề cập đầy đủ, các khái niệm được sử dụng chưa thống nhất, chưa phân định rõ các khái niệm liên quan đến hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ; chức năng kiểm soát nội bộ bị đánh đồng với chức năng kiểm toán nội bộ, kiểm toán nội bộ chỉ hiểu đơn thuần là kiểm toán báo cáo tài chính.

- Luật các tổ chức tín dụng quy định các Tổ chức tín dụng phải thành lập Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị với những nhiệm vụ rất quan trọng về giám sát ngân hàng nhưng Ban kiểm soát lại không có công cụ hoặc không có cơ chế để thực hiện nhiệm vụ của mình dẫn đến hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát còn rất thấp. Hơn nữa, nhiệm vụ và nội dung công việc của Ban kiểm soát và phòng Kiểm tra-kiểm toán nội bộ có nhiều điểm trùng lặp trong khi có

những mảng công việc rất quan trọng về kiểm toán nội bộ và giám sát ngân hàng lại chưa thực hiện được.

- Quy chế về kiểm tra, kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 03/1998/QĐ-NHNN3 ngày 03/01/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chưa cụ thể hóa nhiệm vụ, vị trí và quyền hạn của kiểm tra nội bộ và kiểm toán nội bộ trong hệ thống giám sát nội bộ. Việc phân định không rõ ràng này đã dẫn đến sự ra đời hệ thống các phòng mang tên kiểm tra, kiểm toán nội bộ tại các ngân hàng thương mại thực hiện hai nhiệm vụ: (1) chức năng giám sát, kiểm tra là một khâu trong quy trình hoạt động của ngân hàng và (2) chức năng kiểm toán nội bộ phải hoàn toàn độc lập với các quy trình nghiệp vụ và hệ điều hành của ngân hàng. Điều này đã dẫn đến những khó khăn trong việc tổ chức và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại các ngân hàng. Hiệu quả của các bộ phận này còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu giám sát và quản lý rủi ro của ngân hàng.

- Các luật và văn bản quy phạm dưới luật đều quy định bộ máy kiểm toán nội bộ trực thuộc tổng giám đốc, trong khi Tổng giám đốc và Ban điều hành đều là đối tượng của kiểm toán nội bộ. Thực chất, bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ làm chức năng kiểm toán nội bộ và chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc (Giám đốc), do vậy các kết quả kiểm tra, kiểm toán khó có thể mang tính độc lập, khách quan trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ điều hành, đặc biệt là của Ban điều hành và Ban lãnh đạo các chi nhánh.

2.2.1.2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các Tổ chức tín dụng

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội thông qua ngày ngày 15/06/2004 đã tách bạch hai chức năng kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. Cụ thể, tại khoản 2 điều 38 quy định nhiệm vụ kiểm toán nội bộ thuộc về Ban kiểm soát; tại điều 41 quy định: “Tổ chức tín dụng phải lập hệ thống

kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành, giúp Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng”. Tuy nhiên, theo thông lệ quốc tế, không có hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ trực thuộc bộ máy điều hành mà hoạt động kiểm soát thường xuyên đã được đưa vào từng quy trình về nghiệp vụ quản lý.

- Luật sửa đổi cũng quy định rằng Ban kiểm soát có thể sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, nhưng không có quy định rõ ràng về việc chức năng kiểm toán nội bộ sẽ được thành lập, chưa nêu rõ chi tiết vai trò và nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

- Ngân hàng Nhà nước chậm ban hành văn bản hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các Tổ chức tín dụng về hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng. Sau hơn hai năm kể từ khi Luật sửa đổi, bổ sung được ban hành, đến ngày 01/08/2006 Ngân hàng Nhà nước mới có văn bản hướng dẫn cụ thể về vấn đề kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ bằng việc ban hành hai quyết định 36/2006/QĐ-NHNN ban hành quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng và quyết định 37/2006/QĐ-NHNN ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng. Hai văn bản này có bước cải cách rõ rệt, đã giải thích rõ “Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ” và quy định cụ thể trách nhiệm các cấp lãnh đạo trong tổ chức tín dụng đối với hệ thống giám sát nội bộ theo nguyên tắc phù hợp thông lệ quốc tế, và tách bạch hai chức năng kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.

2.2.2. Ủy ban Basle đã tổng hợp các nguyên nhân cơ bản dẫn đến tổn thất trong hoạt động ngân hàng¹⁰

¹⁰ Đoạn 2, 3, phần I. Các nguyên nhân cơ bản dẫn đến tổn thất trong hoạt động ngân hàng- Tài liệu Framework for Internal Control in Banking Organisations-Basle Committee 1998

Sự phát triển và trình độ của hệ thống kiểm soát nội bộ gắn liền với yêu cầu giám sát và quản lý các rủi ro phát sinh trong quá trình phát triển của các Ngân hàng thương mại. Có thể nói những tổn thất, đổ vỡ mà các Ngân hàng thương mại đã phải hứng chịu bắt nguồn chính từ những thất bại của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc đảm bảo sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Những vấn đề được xác định đã khẳng định tầm quan trọng của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành, các kiểm toán viên nội bộ và kiểm toán viên độc lập. Những sai lầm điển hình trong kiểm soát mà gây ra những khó khăn cho ngân hàng thường được phân loại thành năm loại:

- Thiếu hiệu quả trong giám sát điều hành, phân định trách nhiệm không rõ ràng hay thiếu một môi trường kiểm soát lành mạnh. Các trường hợp tổn thất lớn đều phản ánh việc điều hành thiếu tập trung, buông lỏng trong kiểm soát, thiếu sự chỉ đạo và giám sát của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, hay thiếu việc phân định trách nhiệm và vai trò quản lý rõ ràng.

- Sự nhận biết và đánh giá không đầy đủ về những rủi ro của những hoạt động kinh doanh hiện tại của ngân hàng, dù là nội hay ngoại bảng. Rất nhiều ngân hàng đã phải gánh chịu những tổn thất nặng nề do sự sao nhãng trong công tác nhận diện và đánh giá rủi ro của các sản phẩm và các hoạt động mới, sự sao nhãng trong việc cập nhật những đánh giá rủi ro khi môi trường và điều kiện kinh doanh thay đổi. Trong nhiều trường hợp, hệ thống kiểm soát hiệu quả với sản phẩm truyền thống hoặc sản phẩm đơn giản lại không hiệu quả với các sản phẩm có độ phức tạp hay tinh vi hơn.

- Sự thiếu hụt hay thất bại của những hoạt động kiểm soát trọng yếu, ví dụ như việc phân định trách nhiệm, thẩm quyền xét duyệt, thẩm tra và giám sát tình hình kinh doanh. Đặc biệt, việc thiếu sự phân định trách nhiệm thường là

nguyên nhân chính gây ra những tổn thất nghiêm trọng cho ngân hàng. Khi hữu sự, không thể phân rõ trách nhiệm thuộc về tổ chức, cá nhân nào.

- Sự không đầy đủ và kịp thời trong truyền tải thông tin giữa các cấp quản lý trong ngân hàng đặc biệt là những vấn đề theo chiều thông tin từ dưới lên. Muốn đạt được hiệu quả, các chính sách quy trình phải được truyền đạt tới tất cả các tổ chức và cá nhân có liên quan. Một số tổn thất đã xảy ra do cá nhân có liên quan đã không nhận thức một cách đầy đủ hay không hiểu được các chính sách của ngân hàng. Trong một số trường hợp, những thông tin về những bất hợp lý mà đáng lẽ phải được báo cáo lên các cấp quản lý cao hơn đã không được thông báo tới Ban điều hành hay Hội đồng quản trị cho tới lúc đã trở nên nghiêm trọng. Trong một số trường hợp khác, các báo cáo quản lý đã không chính xác hay không được hoàn chỉnh thậm chí bị xuyên tạc đã gây ra hậu quả nặng nề trong kinh doanh.

- Hoạt động kiểm toán hay các hoạt động giám sát thiếu đầy đủ hay không hiệu quả. Trong rất nhiều trường hợp, kiểm toán đã không đủ nghiêm khắc trong việc nhận định và báo cáo các yếu kém trong khâu giám sát của ngân hàng. Trong nhiều trường hợp khác, kể cả các kiểm toán viên đã báo cáo những vấn đề như vậy nhưng nó đã không được điều chỉnh bởi cấp quản lý.

2.2.3. Mô hình tổ chức của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của Ngân hàng

Công thương Việt Nam qua các thời kỳ

2.2.3.1. Từ tháng 01 năm 1991 đến tháng 04 năm 2005

Thực hiện pháp lệnh Ngân hàng, theo Quyết định số 16/NH-QĐ ngày 10/01/1991 của Tổng Giám đốc NHCTVN, tổ chức bộ máy kiểm tra, kiểm toán được hình thành và phát triển. Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Tổng kiểm soát theo quyết định số 58/NHCT ngày 01/03/1991.

Trên cơ sở Luật các tổ chức tín dụng ban hành năm 1997 và quy chế về kiểm tra, kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết

định số 03/1998/QĐ-NHNN3 ngày 03/01/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Cùng với sự đổi mới và trưởng thành của NHCTVN, cơ chế tổ chức và quy chế hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm toán cũng thường xuyên thay đổi nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động quản lý, nâng cao trách nhiệm và quyền hạn của kiểm tra viên khi thực thi nhiệm vụ của mình. Cụ thể:

- Ngày 06/06/1998 Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCTVN ký quyết định số 41/QĐ-HĐQT-NHCT17 ban hành quy chế tổ chức hoạt động của bộ máy kiểm tra nội bộ Ngân hàng Công thương thay cho quy chế ban hành theo quyết định số 58/NHCT ngày 01/03/1991 của Tổng Giám đốc NHCTVN.

- Ngày 12/05/2000 Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định số 066/QĐ-HĐQT-NHCT17 ban hành quy chế tổ chức hoạt động của bộ máy kiểm tra, kiểm toán và xét khiếu tố Ngân hàng Công thương thay cho quy chế ban hành theo quyết định số 41/QĐ-HĐQT-NHCT17 ngày 06/06/1998.

- Ngày 10/04/2002 Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định số 033/QĐ-HĐQT-NHCT17 ban hành quy chế tổ chức hoạt động của bộ máy kiểm tra kiểm toán Ngân hàng Công thương thay cho quy chế ban hành theo quyết định số 066/QĐ-HĐQT-NHCT17 ngày 12/05/2000 và quy chế này được thực hiện đến tháng 04/2005.

Mô hình tổ chức trong giai đoạn này (gọi là mô hình cũ), bộ máy kiểm tra kiểm toán nội bộ (nay là bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ - KTKSNB) của NHCTVN tuy với tên gọi khác nhau qua từng giai đoạn (bộ máy kiểm tra nội bộ; bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ và xét khiếu tố; bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ; bộ máy kiểm tra, kiểm soát nội bộ) nhưng đều là bộ máy do Tổng giám đốc quản lý, chỉ đạo và điều hành. Bộ máy được tổ chức, chỉ đạo thống nhất về mặt nghiệp vụ từ Trụ sở chính đến các đơn vị thành viên, một trong những nhiệm vụ của bộ máy là thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với Ngân hàng Công thương.

Hệ thống kiểm tra kiểm toán của NHCTVN đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong từng giai đoạn trong thời kỳ này. Bộ máy kiểm tra kiểm toán nội bộ đã tổ chức trên 10.000 cuộc kiểm tra, rà soát xem xét lại hơn 2 triệu lượt hồ sơ tín dụng và hàng chục triệu chứng từ kế toán .v.v..., qua đó phát hiện được nhiều sai phạm, kịp thời kiến nghị chỉnh sửa khắc phục đạt hiệu quả, góp phần hạn chế, phòng ngừa rủi ro, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các bộ phận nghiệp vụ và đóng góp vào hiệu quả chung trong hoạt động kinh doanh của NHCTVN. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra kiểm toán vẫn còn những hạn chế như chưa phát hiện hoặc phát hiện chưa hết sai phạm phát sinh ở các hoạt động nghiệp vụ dẫn đến một số vụ việc xảy ra.

2.2.3.2. Từ tháng 05 năm 2005 đến nay

Trên cơ sở Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội thông qua ngày ngày 15/06/2004.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCTVN ký quyết định số 105/2005/QĐ-HĐQT-NHCT ngày 10/05/2005 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Hội đồng quản trị NHCTVN. Hiện nay, Ban kiểm soát gồm 06 thành viên và 07 cán bộ giúp việc.

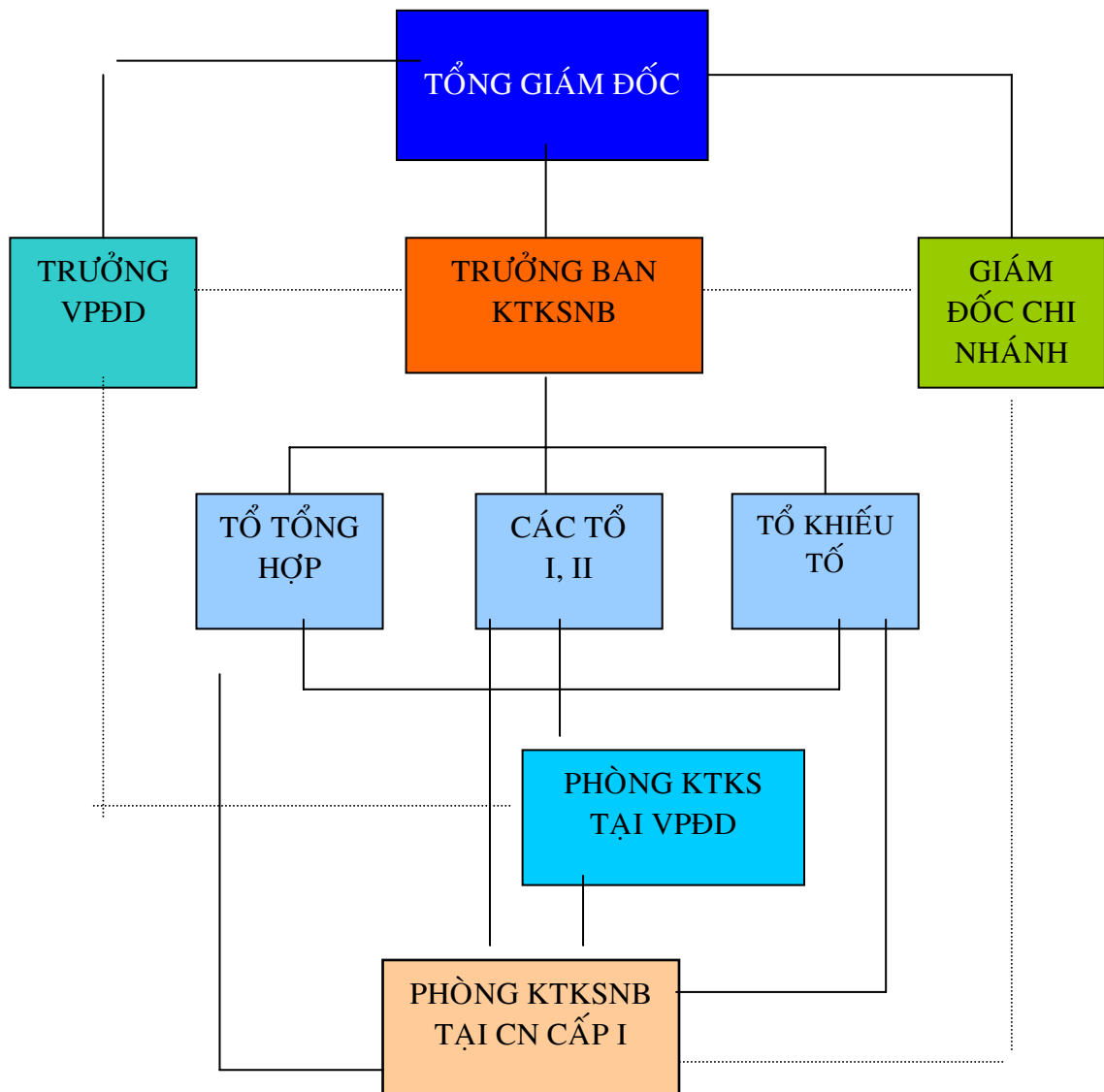
- Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCTVN ký quyết định số 106/QĐ-HĐQT-NHCT17 ngày 11/05/2005, phê duyệt mô hình tổ chức của bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ NHCTVN đồng thời ban hành quy chế tổ chức hoạt động của bộ máy kiểm tra kiểm soát NHCTVN theo quyết định số 107/QĐ-HĐQT-NHCT1 thay thế quy chế ban hành theo quyết định số 033/QĐ-HĐQT-NHCT17 ngày 10/04/2002 theo đó chức năng kiểm toán nội bộ đối với Ngân hàng Công thương đã được chuyển sang Ban kiểm soát.

Theo mô hình này (gọi là mô hình mới) thì bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ NHCTVN được tổ chức thành hệ thống, đặt dưới sự quản lý, điều hành trực

tiếp của Tổng giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam. Bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ bao gồm:

- + Ban kiểm tra kiểm toán nội bộ tại Trụ sở chính NHCTVN (có một số tổ chuyên đề).
- + Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ tại các Văn phòng đại diện NHCTVN.
- + Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ tại Sở giao dịch, chi nhánh cấp 1 (viết tắt là chi nhánh).

SƠ ĐỒ 1: MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



- Đối với bộ phận kiểm tra tại Trụ sở chính và Văn phòng đại diện, mô hình mới và mô hình cũ không có sự khác biệt nhiều, chỉ khác biệt đối với bộ phận kiểm tra đặt tại các chi nhánh, vì bộ phận này trước đây do Giám đốc chi nhánh trực tiếp quản lý nay được tách ra trực thuộc Tổng Giám đốc trực tiếp quản lý. Sự khác biệt cơ bản :

+ Về tổ chức: Hiện nay Tổng giám đốc quyết định biên chế của bộ máy KTKSNB, quyết định điều động cán bộ do Giám đốc chi nhánh đang quản lý để bổ sung cho bộ máy kiểm tra và ngược lại; luân chuyển cán bộ kiểm soát giữa các chi nhánh, giữa Trụ sở chính và các chi nhánh theo đề nghị của Trưởng ban KTKSNB và Trưởng phòng tổ chức cán bộ đào tạo; Giám đốc chi nhánh chịu sự kiểm soát của bộ máy KTKSNB theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Theo mô hình cũ Giám đốc chi nhánh có trách nhiệm trực tiếp quản lý phòng kiểm tra nội bộ trên các lĩnh vực như chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về sự chỉ đạo, giám sát và kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ; đề nghị Tổng Giám đốc điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng, phó phòng kiểm tra nội bộ và các kiểm tra viên.

+ Về thực hiện chương trình công tác: Hiện nay, giám đốc chi nhánh chỉ có quyền đề xuất nội dung, kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất với Tổng Giám đốc, không như mô hình cũ Giám đốc chi nhánh chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về sự chỉ đạo, giám sát và kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ.

+ Về chi trả lương cho bộ máy KTKSNB: Hiện nay, cán bộ trong hệ thống KTKSNB được hưởng tiền lương và các chế độ vật chất khác của người lao động như cán bộ tại Trụ sở chính và Tổng giám đốc trực tiếp chi trả. Theo mô hình cũ Giám đốc chi nhánh trực tiếp chi trả lương cho người lao động thuộc phòng kiểm tra của chi nhánh.

- Tình hình đội ngũ nhân sự của bộ máy kiểm tra, kiểm toán:

+ Khi mới thành lập bộ máy kiểm tra kiểm toán nội bộ (lúc đó là hệ thống Tổng kiểm soát) gồm 35 phòng kiểm soát, trong đó ở Trung ương là Văn phòng Tổng kiểm soát với 2 phòng nghiệp vụ kiểm tra-Pháp chế và Tổ xét khiếu tố, số lượng cán bộ là 204 cán bộ với gần 40% trình độ trung cấp¹¹.

+ Hiện nay bộ máy đã lên tới 85 phòng kiểm tra kiểm soát tại các chi nhánh và công ty trực thuộc. Số lượng cán bộ gần 500 người, trong đó 11% cán bộ có trình độ trung cấp, sơ cấp; 7% chưa qua làm nghiệp vụ ngân hàng; trong số hơn 400 cán bộ có trình độ đại học có 9% là thuộc các ngành như giáo dục, kỹ thuật, luật; về tuổi đời bình quân 44 tuổi và về cơ cấu giới tính, có 73% cán bộ nữ¹².

2.2.4. Đánh giá thực trạng hoạt động hiện nay của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của NHCTVN

Việc phân tích thực trạng hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ của NHCTVN trong giai đoạn này là trọng tâm quan trọng để có những giải pháp mang tính khoa học nhằm hoàn thiện hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của NHCTVN, chuẩn bị tốt cho cuộc hành trình hội nhập kinh tế vào khu vực và thế giới.

Có thể sử dụng các sai lầm điển hình trong kiểm soát mà gây ra khó khăn cho ngân hàng mà Basle đã tổng kết, sử dụng các vấn đề vướng mắc từ cơ sở pháp lý, các vấn đề phát sinh xuất phát từ mô hình tổ chức, từ cơ chế hoạt động... để đánh giá thực trạng hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ NHCTVN trong giai đoạn hiện nay.

¹¹ Ngân hàng Công thương Việt Nam, 15 năm xây dựng và trưởng thành, trang 137

¹² Thông tin Ngân hàng Công thương số 2/2006, trang 38.

2.2.4.1. Về mô hình tổ chức

- Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức tín dụng đã tách bạch hai chức năng kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. Cụ thể, tại khoản 2 điều 38 quy định nhiệm vụ kiểm toán nội bộ thuộc về Ban kiểm soát; tại điều 41 quy định: “Tổ chức tín dụng phải lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành, giúp Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Tổ chức tín dụng”. Theo thông lệ quốc tế, không có hệ thống KTKSNB riêng biệt trực thuộc Tổng Giám đốc (Giám đốc) như trong Luật sửa đổi, mà hoạt động kiểm soát thường xuyên đã được đưa vào từng quy trình về nghiệp vụ và quản lý, việc kiểm tra/thanh tra thường do kiểm toán nội bộ làm. Về kiểm toán nội bộ, để đảm bảo tính độc lập chức năng này cần phải tách biệt và nằm dưới sự kiểm soát của Hội đồng quản trị thông qua Ban kiểm soát.

Vì vậy, với mô hình hiện nay thì bộ máy kiểm tra kiểm soát nội bộ NHCTVN được tổ chức thành hệ thống, đặt dưới sự quản lý, điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc Ngân hàng Công thương Việt Nam, có một trong các nhiệm vụ là “Nắm thực trạng và diễn biến tình hình hoạt động của chi nhánh”, theo thông lệ quốc tế chức năng này là không cần thiết vì hoạt động kiểm soát thường xuyên nên được xem là một phần của hệ thống kiểm soát nội bộ và Ngân hàng không cần phải quy trì riêng chức năng này mà nên xây dựng chức năng kiểm toán nội bộ theo thông lệ quốc tế.

2.2.4.2. Những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ cơ cấu tổ chức

- Đối với Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị

+ Ban kiểm soát được trao trách nhiệm thực hiện toàn diện hoạt động kiểm toán nội bộ. Tuy nhiên, Ban kiểm soát về thực chất vẫn chưa có được sự độc lập tương đối với bộ phận được kiểm tra, đặc biệt là Hội đồng quản trị và

Tổng giám đốc. Hơn nữa, sự hạn chế về nguồn lực con người đã hạn chế rất nhiều khả năng kiểm soát nội bộ của Ban kiểm soát. Vì lẽ đó, chức năng của Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị mới chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, đánh giá các báo cáo tài chính cuối kỳ và xử lý các vấn đề đã phát sinh.

+ Quy chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát quy định Ban kiểm soát có thể sử dụng nhân viên của phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, nhưng NHCTVN chưa đưa ra một cơ cấu tổ chức chi tiết cho chức năng kiểm toán nội bộ mới và Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ.

- Đối với Ban kiểm tra, kiểm soát nội bộ

+ Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ thuộc Tổng giám đốc được tổ chức thống nhất từ Hội sở chính đến các đơn vị thành viên. Theo quy chế thì trong quá trình kiểm tra kiểm soát, bộ máy KTKSNB được độc lập trong hoạt động, đánh giá, kết luận, kiến nghị trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, sự độc lập chỉ có tính chất tương đối vì con người cơ bản lấy từ chi nhánh, mọi điều kiện làm việc của phòng kiểm tra đặt tại các chi nhánh như phòng làm việc, phương tiện đi lại, sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt đảng... đều ghép với chi nhánh, do vậy vẫn còn có sự phụ thuộc nhất định ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kiểm tra. Xét về góc độ văn hoá, người Việt Nam có lối sống trọng tình và lối tư duy coi trọng các mối quan hệ, vì vậy ngoài đời sống vật chất còn đời sống tinh thần, đời sống tinh thần phụ thuộc nhiều vào các quan hệ xã hội chưa kể một số cán bộ có chồng, vợ, con, họ hàng ... đang làm việc tại chi nhánh. Do vậy nếu sống tại địa phương mà không phục vụ lợi ích của địa phương lại chỉ tìm những sai sót để báo cáo Tổng Giám đốc xem xét xử lý (mặc dù việc phát hiện sai sót giúp cho Chi nhánh chỉnh sửa để tránh rủi ro là sự giúp đỡ thiết thực nhất song tâm lý người Việt Nam nói chung không thích bị phê bình, xử lý... chưa kể trong trường hợp đối tượng bị kiểm tra cố tình làm sai chế độ vì nhiều lý do khác nhau)

thì dễ bị cô lập, điều này dễ dẫn đến việc kiểm tra thiếu tính khách quan, đồng thời dễ bị e dè, nể nang, không dám nói.

+ Việc quản lý của Tổng Giám đốc và Ban KTKSNB đối với cán bộ kiểm tra đặt tại các chi nhánh: Do cán bộ kiểm tra kiểm soát đặt tại các chi nhánh theo quy định trực thuộc Ban KTKSNB, nhưng địa bàn hoạt động cách xa Trụ sở chính NHCTVN, việc theo dõi, quản lý tập trung rất khó khăn, một số Giám đốc chi nhánh có sự phân biệt giữa cán bộ kiểm tra với cán bộ nghiệp vụ khác của chi nhánh, làm cho một số cán bộ kiểm tra không yên tâm công tác, đồng thời nảy một số vấn đề vướng mắc giữa cán bộ kiểm tra với Giám đốc chi nhánh; mặt khác Tổng giám đốc giao nhiệm vụ cho Trưởng phòng kiểm tra đặt tại chi nhánh trực tiếp quản lý cán bộ của phòng kiểm tra, nên đã xảy ra tình trạng quản lý cán bộ lỏng lẻo, từ đó ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình nhiệm vụ mà Tổng giám đốc đề ra.

+ Việc theo dõi lao động tiền lương: Do phòng kiểm tra tại các chi nhánh trực thuộc NHCTVN nên Ban KTKSNB NHCTVN tại trụ sở chính phải có một bộ phận chuyên theo dõi về kế toán tài vụ, lao động tiền lương ...và tại phòng kiểm tra nội bộ đặt tại các chi nhánh cũng có một bộ phận hoặc có cán bộ kiêm nhiệm việc theo dõi lao động tiền lương, dẫn đến bộ máy công kênh, chất lượng công việc của cán bộ kiêm nhiệm bị ảnh hưởng...

+ Tính pháp lý của các quyết định kiểm tra: Phòng kiểm tra của NHCTVN đặt tại Chi nhánh khi kiểm tra phải có quyết định kiểm tra của Tổng Giám đốc hoặc được Tổng Giám đốc ủy quyền cho trưởng phòng ra quyết định kiểm tra nhưng phòng kiểm tra không có dấu riêng nên tính pháp lý của quyết định kiểm tra chưa đầy đủ. Trường hợp hàng năm phòng kiểm tra xây dựng kế hoạch kiểm tra Chi nhánh, được Ban KTKSNB NHCTVN nhất trí trình Tổng Giám đốc phê duyệt chương trình kế hoạch để thực hiện làm nhiều đợt trong

năm thì kế hoạch được duyệt đó chỉ mang tính chỉ đạo trong nội bộ Trụ sở chính mà không mang đầy đủ tính pháp lý của việc NHCTVN kiểm tra Chi nhánh.

2.2.4.3. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ

- Quy định Việc phân định trách nhiệm giữa các cấp lãnh đạo trong NHCTVN đối với hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được rõ ràng, dẫn đến công tác tự đánh giá đối với hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được thực hiện và bị xem nhẹ, đồng thời, công tác đánh giá độc lập với hệ thống kiểm soát nội bộ không đảm bảo tính độc lập.

- Chương trình, kế hoạch kiểm tra được các chi nhánh, Sở giao dịch, Văn phòng đại diện lập và gửi Ban KTKSNB phê duyệt hàng năm và hàng quý. Tuy nhiên, việc phê duyệt của Ban KTKSNB chưa kịp thời, có một số trường hợp phê duyệt chương trình, kế hoạch công tác không đúng với mục tiêu ban đầu của cơ sở làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình công tác của phòng KTKSNB tại cơ sở.

- Phương thức hoạt động giám sát từ xa chậm đổi mới kém hiệu quả, thiếu kịp thời, ít có tác dụng trong chỉ đạo điều hành; chưa áp dụng được công nghệ tin học vào hoạt động kiểm toán vì có thực trạng là hệ thống thông tin của NHCTVN đã cho phép về mặt kỹ thuật thực hiện giám sát thông tin từ cơ sở dữ liệu toàn ngành, tuy nhiên bộ phận kiểm toán và Ban kiểm soát Hội đồng quản trị chưa kết xuất và phân tích dữ liệu ngân hàng một cách độc lập, chưa tiếp cận hết được các thông tin này nhằm phục vụ cho công tác của mình.

- Cơ chế kiểm tra của NHCTVN mới chỉ chú trọng đến công tác kiểm soát xử lý và kiểm soát bảo vệ tài sản mà chưa chú ý đến công tác kiểm soát quản lý cũng như kiểm soát tổng quát. Nói cách khác, kiểm soát nội bộ chưa làm tốt chức năng ngăn chặn và giám sát mà mới chỉ thực hiện chức năng kiểm tra, phát hiện và xử lý các vấn đề đã phát sinh. Cơ chế kiểm soát quá tập trung vào các

cuộc kiểm tra, kiểm toán đột xuất, trong khi đang ra cơ chế kiểm soát thường xuyên cần được xây dựng và thực hiện.

- Về hoạt động kiểm toán:

+ Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị với những nhiệm vụ rất quan trọng về giám sát ngân hàng nhưng Ban kiểm soát lại không có công cụ hoặc không có cơ chế để thực hiện nhiệm vụ của mình dẫn đến hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát còn rất thấp. Hơn nữa, nhiệm vụ và nội dung công việc của Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị và Ban KTKSNB có nhiều điểm trùng lặp trong khi có những mảng công việc rất quan trọng về kiểm toán nội bộ và giám sát ngân hàng lại chưa thực hiện được.

+ Hiện tại, chương trình kiểm toán của NHCTVN xây dựng trên cơ sở phương pháp kiểm toán tuân thủ mà chưa nhằm kiểm tra hiệu suất và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đó đó, các vấn đề ghi nhận trong quá trình kiểm toán còn hạn chế trong việc đem lại các giá trị thực sự cho hoạt động kinh doanh.

+ Các kiểm toán viên nội bộ yêu cầu lãnh đạo và các cán bộ của đơn vị kinh doanh được kiểm toán giải trình các công việc mà họ đã làm và cung cấp các tài liệu để chứng tỏ họ đã tuân thủ theo đúng quy trình hoạt động của Ngân hàng hay chưa (phương pháp kiểm toán tuân thủ). Trong trường hợp này, việc xem xét rủi ro chỉ giới hạn ở những rủi ro không tuân thủ với thủ tục hoạt động chuẩn của NHCTVN và những quy định về ngân hàng. Hoạt động kiểm toán mới chỉ dừng lại ở mức độ phản ánh, chưa đánh giá xác thực tổng thể về hoạt động kinh doanh nói chung và kết quả tài chính nói riêng. Điều này có nguy cơ dẫn đến rủi ro kiểm soát - tức là báo cáo kiểm toán hoặc không đủ, không đúng, không kịp thời hoặc không đưa ra được biện pháp ngăn chặn và giải quyết phù hợp.

+ Các báo cáo, biên bản kiểm tra:

. Các vấn đề ghi nhận trong báo cáo, biên bản kiểm tra chủ yếu là các vấn đề về tuân thủ hoặc hành chính.

. Các vấn đề ghi nhận chưa được phân hạng rủi ro (ví dụ như rủi ro cao, trung bình, thấp).

. Mức độ ưu tiên của các kế hoạch hành động sửa chữa các vấn đề trên cũng chưa được trình bày theo dạng khẩn cấp, ngắn hạn, dài hạn.

+ Đảm bảo chất lượng: Ban KTKSNB chưa xây dựng các chương trình làm việc cụ thể để đánh giá chất lượng và mức độ hài lòng của các bên hữu quan là các chi nhánh NHCTVN đối với công tác kiểm tra.

+ Hiện nay, còn nhiều quy trình nghiệp vụ chưa được ban hành hoặc đã có nhưng chưa được đầy đủ và bao quát hết được các bước thực hiện từng nghiệp vụ cụ thể. Điều này đã gây khó khăn cho Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị và bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ thực hiện nhiệm vụ của mình vì các bộ phận này không có cơ sở chính thức để đánh giá hiệu quả của hoạt động nghiệp vụ trong NHCTVN.

2.2.4.4. Nhân sự

- Về năng lực chuyên môn: có một thực tế là các cán bộ kiểm tra hiện nay lấy từ chi nhánh sang nhưng trước đây ở một số chi nhánh, Giám đốc bố trí cán bộ làm công tác kiểm tra thiếu năng lực nghiệp vụ, thiếu trình độ quản lý hoặc thiếu tâm huyết với hoạt động kiểm soát, thậm trí có nơi còn bố trí cán bộ không làm được các nghiệp vụ thông thường làm công tác kiểm tra, nên các cán bộ này không đủ khả năng phát hiện các sai sót. Xét về chương trình đào tạo hiện tại cho cán bộ ở bộ phận này cho thấy:

+ Chưa có chương trình đào tạo cụ thể cho nhân viên của hệ thống KTKSNB.

+ Chưa có yêu cầu cụ thể về bằng cấp, trình độ nghiệp vụ, chứng chỉ nghề nghiệp hay kỹ năng (ví dụ kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng lãnh đạo...) để trở thành kiểm toán viên ở NHCTVN.

+ Chưa có số giờ quy định tối thiểu về bồi dưỡng nghề nghiệp liên tục để duy trì và phát triển những cán bộ Kiểm toán nội bộ.

- Về định hướng nghề nghiệp: Những vấn đề thuộc về quy định liên quan đến công tác của hệ thống KTKSNB chưa được quy định cụ thể như việc điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đề bạt, quy hoạch cán bộ... làm cho một số cán bộ có năng lực làm việc chưa yên tâm công tác do quyền lợi chính trị bị hạn chế vì khi đã được Tổng Giám đốc điều động sang bộ máy KTKSNB thì cán bộ kiểm tra không còn là đối tượng quy hoạch của chi nhánh, nếu điều động trở về Trụ sở chính thì không dễ và ảnh hưởng đến sự ổn định cuộc sống gia đình họ.

2.2.4.5. Về môi trường kiểm soát

- Môi trường kiểm soát còn nhiều yếu tố không thuận lợi cho công tác kiểm soát nội bộ. Mặc dù được tổ chức theo mô hình tổng công ty nhưng mức độ độc lập của các chi nhánh và các công ty trực thuộc của NHCTVN còn tương đối hạn chế. Sự phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc, giữa các giám đốc Ban ở Hội sở chính với giám đốc các đơn vị thành viên đã có nhưng chưa rõ ràng và chưa gắn với trách nhiệm cụ thể. Sự chồng chéo trong điều hành và tác nghiệp giữa các bộ phận vẫn diễn ra thường xuyên, cơ chế tập thể quyết định vẫn tồn tại phổ biến. Chính vì thế, trong nhiều trường hợp quyền hạn đã phân cấp không được sử dụng hết hoặc bị lạm dụng.

- Một số chi nhánh do nhận thức chưa đúng về công tác kiểm tra cho rằng "bới lông tìm vết", che dấu khuyết điểm, chưa tạo điều kiện để kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoặc gây căng thẳng trong khi thông qua biên bản kiểm tra. Một số lãnh đạo chi nhánh chưa thật sự quan tâm đến công tác kiểm tra kiểm toán thể hiện trong việc chưa nghiêm túc xem xét chỉnh sửa các kiến nghị kiểm tra việc khắc phục sai sót về thực hiện cơ chế, quy chế; xử lý kỷ luật cán bộ có sai phạm không đến nơi đến chốn, thực hiện qua loa đại khái, có nơi có lúc lãnh đạo bảo vệ cán bộ thiếu khách quan như bao che cho cán bộ có sai sót trong

một số vụ việc, có chi nhánh còn có biểu hiện đề phòng đối với KTKSNB...Do đó, bộ phận kiểm tra chưa được nhìn nhận đúng đắn- như là một công cụ quan trọng để quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

2.2.4.6. Sự phối kết hợp giữa kiểm tra kiểm toán với các bộ phận khác

Sự phối kết hợp giữa kiểm tra kiểm toán với các phòng ban chức năng chưa chặt chẽ, chưa có những cuộc gặp thường xuyên với các lãnh đạo bộ phận chức năng để thu thập ý kiến phản hồi của các bộ phận này về công tác của Ban KTKSNB và những ý kiến đóng góp nhằm xây dựng kế hoạch kiểm toán hàng năm vào tháng 12 và nâng cao chất lượng của công tác kiểm toán nội bộ, chưa làm tốt mối quan hệ giữa tự kiểm tra nghiệp vụ với kiểm toán nội bộ; chưa quy định họp giao ban định kỳ giữa Ban KTKSNB và phòng kiểm tra nội bộ tại cơ sở nên sự trao đổi thông tin trong hệ thống KTKSNB chưa được thường xuyên, các phòng kiểm tra nội bộ tại cơ sở chưa có điều kiện phản ánh những khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị Ban KTKSNB để từ đó Ban KTKSNB rà soát những bất hợp lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm khắc phục kịp thời; sự phối kết hợp giữa kiểm tra nội bộ với hệ thống kiểm tra ngoài ngành chưa được chặt chẽ làm ảnh hưởng một phần đến kết quả và hiệu quả của công tác kiểm tra kiểm toán.

Kết luận chương 2

Từ các vấn đề đặt ra như trên dẫn tới kết quả hoạt động của bộ máy KTKSNB nhất là phòng kiểm tra đặt tại các chi nhánh chưa đạt hiệu quả. Hệ thống kiểm tra trực thuộc Tổng Giám đốc mà nòng cốt là các phòng kiểm tra đặt tại Chi nhánh, với trách nhiệm cao hơn trước trong việc kiểm tra kịp thời, phát hiện đầy đủ sai sót, chỉ đạo đôn đốc chỉnh sửa triệt để và xử lý cán bộ nghiêm khắc của hệ thống kiểm tra nói chung và của phòng kiểm tra nói riêng, trong khi hiệu quả hoạt động của phòng kiểm tra tại các chi nhánh như đã phân tích ở trên là rất hạn chế.

Có thể kết luận rằng hoạt động công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại NHCTVN vẫn còn nhiều điểm bất hợp lý, thiếu khoa học dẫn đến hiệu lực và hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu giám sát và tư vấn quản lý ngân hàng trong điều kiện NHCTVN đang đứng trước thử thách hội nhập với khu vực và thế giới. Việc đổi mới toàn diện hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại NHCTVN là một nhu cầu tất yếu mang tính chất chiến lược do đòi hỏi thực tiễn hoạt động và kinh doanh của NHCTVN.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

3.1. Quan điểm, định hướng và các nhóm giải pháp lớn trong lĩnh vực giám sát ngân hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của các Ngân hàng thương mại Việt Nam¹³

Hiện nay, Việt Nam có 5 Ngân hàng thương mại Nhà nước, 1 ngân hàng phát triển Việt Nam, 1 ngân hàng chính sách, 22 ngân hàng cổ phần, 16 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 5 Ngân hàng liên doanh, khoảng 900 quỹ tín dụng nhân dân và hàng loạt các tổ chức tài chính phi ngân hàng khác. Trong đó các Ngân hàng thương mại Nhà nước đóng vai trò chi phối hệ thống các Ngân hàng thương mại và định chế tài chính khác với thị phần huy động chiếm 70%, cho vay chiếm tới 62%. Tuy nhiên những ngân hàng này vẫn nằm trong tình trạng quy mô nhỏ, năng lực tài chính thấp, mức độ rủi ro cao, chất lượng tín dụng kém... Vì vậy, Chính phủ đã phê duyệt đề án cơ cấu lại hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm từng bước làm lành mạnh tình hình tài chính, đưa hoạt động của hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới.

3.1.1. Định hướng phát triển hệ thống giám sát ngân hàng

3.1.1.1. Thành lập Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng là một đơn vị (Cục) thuộc Ngân hàng Nhà nước

- Trên cơ sở bộ máy Thanh tra Ngân hàng Nhà nước hiện có, xây dựng hệ thống giám sát ngân hàng hiện đại và hữu hiệu (về thể chế, mô hình tổ chức,

¹³ Trích lược từ Đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 - Ban hành kèm theo Quyết định số 112/2006/QĐ-TT ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

con người và phương pháp) nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam và thực hiện đúng *các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về giám sát ngân hàng*.

- Từng bước tạo tiền đề để đến sau năm 2010 xây dựng được Cơ quan Giám sát tài chính tổng hợp, có vị thế và vai trò cao hơn trong việc thực hiện chức năng giám sát an toàn toàn bộ hoạt động tài chính, bao gồm ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.

- Mục tiêu và trách nhiệm chính của Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước là góp phần bảo đảm sự an toàn, ổn định của hệ thống các Tổ chức tín dụng và chấp hành nghiêm minh pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, bảo vệ lợi ích của công chúng.

3.1.1.2. Hoàn thiện các điều kiện tiên quyết cho một hệ thống giám sát có hiệu quả

- Ưu tiên đổi mới mô hình tổ chức, hoạt động của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước hiện nay theo hướng nâng cao tính độc lập, thống nhất về hoạt động nghiệp vụ và chỉ đạo, điều hành của Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng dưới sự quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về giám sát ngân hàng và hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng.

+ Trước mắt, cần đưa các nội dung giám sát ngân hàng và định hướng đổi mới hệ thống giám sát ngân hàng, đặc biệt là đối với thanh tra, giám sát chuyên ngành ngân hàng vào các Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật Tổ chức tín dụng mới. Xây dựng Luật Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng (khi cần thiết).

+ Bảo đảm để Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng có đủ quyền lực cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn hệ thống và việc chấp hành đúng các quy định pháp luật trong hoạt động của các Tổ chức tín dụng.

+ Hiện đại hoá và sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

3.1.1.3. Đổi mới và nâng cao hiệu quả phương pháp giám sát ngân hàng

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiệp vụ giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ, trong đó giám sát từ xa được coi là nghiệp vụ quan trọng, có chức năng cảnh báo sớm rủi ro trong hoạt động ngân hàng; sử dụng kết quả và hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập làm công cụ hỗ trợ cho quá trình giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ.

- Hoàn thiện các quy định an toàn, các biện pháp thận trọng trong hoạt động ngân hàng; các quy định, chính sách quản lý các loại hình Tổ chức tín dụng và hoạt động ngân hàng; đồng thời đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình thanh tra, giám sát phù hợp sự phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ ngân hàng và trên cơ sở áp dụng các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng có hiệu quả của Ủy ban giám sát ngân hàng Basel và các chuẩn mực quốc tế về giám sát ngân hàng (Hiệp ước vốn Basel năm 1988 - Basel I), từng bước tiến tới thực hiện các nguyên tắc, chuẩn mực cơ bản theo Hiệp ước vốn mới (Basel II) sau năm 2010.

3.1.2. Định hướng phát triển các tổ chức tín dụng đến năm 2010

Tiếp tục cơ cấu lại toàn diện các Ngân hàng Thương mại theo Đề án cơ cấu lại các Ngân hàng Thương mại Nhà nước:

3.1.2.1. Sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các Ngân hàng Thương mại từ trung ương đến chi nhánh

- Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý, kinh doanh ở hội sở chính phù hợp với thông lệ quốc tế.

- *Phân biệt rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị ít nhất gồm có Ban Kiểm soát/Kiểm toán, Hội đồng/Ủy ban quản lý rủi ro.*

3.1.2.2. Mở rộng quy mô hoạt động đi đôi với tăng cường năng lực tự kiểm tra, quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn và hiệu quả kinh doanh

- *Bảo đảm để cơ quan kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập và chuyên nghiệp.*

- *Phát triển hệ thống thông tin tập trung và quản lý rủi ro độc lập, tập trung toàn hệ thống. Phát triển các hệ thống quản lý của Ngân hàng Thương mại phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế và thực tiễn của các Ngân hàng Thương mại Việt Nam.*

3.1.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng đến năm 2010

3.1.3.1. Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn kinh doanh tiền tệ-ngân hàng

Xây dựng môi trường pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng minh bạch và công bằng nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng.

3.1.3.2. Để tạo cơ sở thúc đẩy quá trình cải cách, phát triển hệ thống tiền tệ, ngân hàng an toàn, hiện đại và hội nhập quốc tế có hiệu quả

Ban hành Luật Ngân hàng Nhà nước mới thay thế các Luật:

- Luật Ngân hàng Nhà nước (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước (năm 2003).

- Luật các Tổ chức tín dụng (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng (năm 2004).

- Luật Ngân hàng Nhà nước và Luật các Tổ chức tín dụng hướng tới điều chỉnh mọi hoạt động tiền tệ, ngân hàng, không phân biệt đối tượng tiến hành hoạt động ngân hàng. Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Tăng cường hiệu lực những chế tài pháp lý, kinh tế và hành chính bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của người đi vay và bảo vệ quyền lợi chính đáng của các Tổ chức tín dụng.

3.2. Giải pháp hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt nam

3.2.1. Cơ sở pháp lý và điều kiện khách quan cần phải hoàn thiện hoạt động của hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật TCTD được Quốc hội thông qua ngày 15/06/2004, đã tách bạch hai chức năng kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, quy định nhiệm vụ kiểm toán nội bộ thuộc về Ban kiểm soát, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ thuộc bộ máy điều hành, Luật sửa đổi đã nêu tầm quan trọng của việc thiết lập một Ban Kiểm soát.

- Đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 112/2006/QĐ-TT ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- 02 văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước cũng đã quy định rõ và tách bạch 2 chức năng kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ: Quyết định 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổ chức tín dụng; Quyết định 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của Tổ chức tín dụng.

- Ngân hàng Công thương Việt Nam cũng như các Ngân hàng thương mại Nhà nước khác đang trong quá trình thực hiện dự án hiện đại hoá, mức độ phân

cấp, phân quyền ngày càng cao, kể cả phân quyền đến từng nhân viên giao dịch. Vai trò của kiểm soát quản lý trở nên cực kỳ quan trọng để có thể ngăn chặn và phát hiện những sai sót và tiêu cực, đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

3.2.2. Những yêu cầu của việc hoàn thiện về tổ chức và hoạt động đối với hoạt động Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ tại NHCTVN

Những yêu cầu hoàn thiện dựa trên các cơ sở sau:

- Phù hợp với các tiêu chuẩn của COSO, Ủy ban Basle về kiểm soát nội bộ.
- Nội dung đổi mới công tác kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ thực sự là nhu cầu bức thiết để nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát Ngân hàng Nhà nước và các Ngân hàng thương mại trong đó có NHCTVN. Mặt khác, đó là quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bắt buộc các Ngân hàng Thương mại phải thực hiện; theo QĐ 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006, chậm nhất đến 16/08/2007 các tổ chức tín dụng phải tự rà soát, điều chỉnh, đảm bảo thực hiện đúng theo các nguyên tắc, yêu cầu, quy định của Quy chế này; theo QĐ 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006, chậm nhất đến 16/02/2007 các tổ chức tín dụng phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ, xây dựng và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ.

- Hội đồng quản trị NHCTVN, với tư cách là đại diện duy nhất của chủ sở hữu và có trách nhiệm cao nhất trong việc giám sát tại Ngân hàng Công thương phải có công cụ giám sát đủ mạnh, đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin về hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, các thông tin về rủi ro trong hoạt động ngân hàng và tư vấn các biện pháp kiểm soát, sửa đổi cần thiết. Công cụ này chính là kiểm toán nội bộ.

- Việc hoàn thiện tổ chức và hoạt động đối với hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tại NHCTVN phải đảm bảo tuân thủ Đề án Tái cơ cấu

hệ thống Ngân hàng Thương mại Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước và Đề án tái cơ cấu NHCTVN.

- Cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ phải tuân thủ Điều lệ hoạt động của NHCTVN, đáp ứng được các chuẩn mực mang tính quốc tế, góp phần đảm bảo tính tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế của NHCTVN.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

3.2.3.1. Về môi trường kiểm soát

- Các nhà quản lý cấp cao của Ngân hàng Công thương Việt Nam cần nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ và hữu hiệu, coi đây là một trong những giải pháp mang tính chiến lược lâu dài đồng thời là đòi hỏi cấp thiết hiện nay.

- Các nhà quản lý cấp cao của NHCTVN cần xây dựng những chuẩn mực về đạo đức trong đơn vị và phổ biến những quy định đến mọi thành viên bằng các thể thức thích hợp. Đảm bảo mọi cán bộ, nhân viên của NHCTVN phải quán triệt được tầm quan trọng của hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ; vai trò của từng cá nhân trong quá trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bản thân họ và phải tham gia thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả các quy định, quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ liên quan.

3.2.3.2. Thay đổi về cơ cấu tổ chức

- Ngân hàng Công thương Việt Nam cần tổ chức lại hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiện nay theo thông lệ quốc tế theo hướng không duy trì hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ riêng biệt trực thuộc Tổng Giám đốc để tránh sai lầm và lãng phí, mà hoạt động kiểm soát thường xuyên được đưa vào từng quy trình về nghiệp vụ và quản lý.

- Từ bộ máy của hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiện tại chỉ nên duy trì một phòng tại Trụ sở chính để thực hiện chức năng giúp việc cho Tổng Giám đốc, tổng hợp, báo cáo, đánh giá tình hình tự kiểm tra kiểm soát của Trụ sở chính và các chi nhánh thành viên trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Một số nhân viên sẽ được chuyển sang bộ phận kiểm toán nội bộ (sẽ được thiết lập), số nhân viên còn lại thì chuyển họ sang làm việc tại bộ phận khác của chi nhánh.

3.2.3.3. Thực hiện đúng những quy định tại QĐ 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động hiệu quả đáp ứng được yêu cầu nhận dạng, đo lường, đánh giá và quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn hợp lý, đảm bảo NHCTVN hoạt động an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật.

- Rà soát, đánh giá lại cơ cấu tổ chức hiện nay và tái cơ cấu tổ chức, phân cấp uỷ quyền, quản lý kinh doanh theo hướng đảm bảo sự phân định trách nhiệm rõ ràng, tránh xung đột về lợi ích, đảm bảo sự thông suốt và kịp thời các kênh thông tin trong nội bộ Ngân hàng Công thương.

+ Ban hành cơ chế phân cấp uỷ quyền rõ ràng, minh bạch bằng việc thiết lập cơ chế phân cấp uỷ quyền một cách hợp lý, cụ thể rõ ràng; đảm bảo một cán bộ không đảm nhiệm một lúc những cương vị, nhiệm vụ có mục đích, quyền lợi mâu thuẫn hoặc chồng chéo với nhau; đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong NHCTVN.

+ Sửa đổi Sổ tay tín dụng theo hướng không nên quy định cán bộ tín dụng vừa là người thẩm định khách hàng vừa là người chấm điểm xếp loại khách hàng; sửa đổi quy chế cho vay theo hướng không nên quy định cán bộ tín dụng vừa là người thẩm định, vừa là người cho vay và kiểm tra sử dụng vốn sau giải ngân...

- Đánh giá hệ thống các định chế nội bộ và quy trình nghiệp vụ đã ban hành. Qua đó sửa đổi, bổ sung những điểm bất hợp lý, những điểm còn thiếu; ban hành các quy trình còn thiếu theo hướng toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ, điều hành và quản lý của ngân hàng phải được quy trình hoá, các rủi ro có thể phát sinh phải được kiểm soát ngay từ các chốt kiểm soát được cài đặt trong các quy trình nghiệp vụ.

- Cơ cấu tổ chức của ngân hàng bao gồm nhiều bộ phận khác nhau. Các bộ phận này đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Rủi ro ở bộ phận này sẽ thiệt hại ở những bộ phận khác. Vì vậy, NHCTVN cần phải thiết lập cơ chế kiểm tra chéo giữa các cá nhân, các bộ phận cùng tham gia một quy trình nghiệp vụ, thực hiện nguyên tắc “hai tay, bốn mắt”.

3.2.3.4. Phải thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Tổng Giám đốc cần ban hành văn bản quy định người điều hành các bộ phận, đơn vị nghiệp vụ, các cá nhân có liên quan phải thường xuyên, xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; mọi khiếm khuyết của hệ thống này phải được báo cáo kịp thời với cấp quản lý trực tiếp; những khiếm khuyết lớn có thể gây tổn thất hoặc nguy cơ rủi ro phải được báo cáo ngay cho Tổng Giám đốc (Giám đốc), Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Tổng Giám đốc cần ban hành văn bản quy định tất cả các cá nhân, các bộ phận ở mọi cấp của NHCTVN phải thường xuyên, liên tục kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình nội bộ có liên quan; đồng thời có văn bản hướng dẫn thực hiện việc kiểm tra và tự kiểm tra, quy định Giám đốc các đơn vị thành viên là người cuối cùng có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất cho Tổng Giám đốc NHCTVN.

3.2.4. Giải pháp hoàn thiện bộ máy Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

Tác giả sẽ tập trung kiến nghị giải pháp đối với hoạt động Kiểm toán nội bộ nhiều hơn, vì hoạt động này đã được NHCTVN quan tâm thiết lập và duy trì. Tuy nhiên, hoạt động này đã bị đánh đồng với hoạt động kiểm soát nội bộ và thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy Kiểm tra, kiểm toán nội bộ (Kiểm tra, kiểm soát nội bộ) chịu sự quản lý của Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong giai đoạn từ 01/1991 đến 04/2005; từ tháng 05/2005 đến nay hoạt động này được tách ra khỏi chức năng của bộ máy Kiểm tra, kiểm soát nội bộ và thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị, nhưng hoạt động này chưa phát huy được hiệu quả do Ban kiểm soát không có công cụ và nguồn lực.

3.2.4.1. Thay đổi về phương pháp luận

- Các quy định tại QĐ 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của Tổ chức tín dụng đã rất rõ ràng, NHCTVN cũng như các Ngân hàng Thương mại khác bắt buộc phải thiết lập bộ máy Kiểm toán Nội bộ. Nhưng để thiết lập được một bộ máy kiểm toán nội bộ hiện đại, đòi hỏi rất nhiều thay đổi về tổ chức, nhân sự và phương pháp luận. Lãnh đạo và nhân viên của NHCTVN cần hiểu rõ định nghĩa và sự khác biệt về Kiểm toán nội bộ so với Kiểm tra kiểm soát nội bộ và theo đó thiết lập một cơ cấu tổ chức độc lập cho bộ máy Kiểm toán nội bộ.

- Cũng theo QĐ 37/2006/QĐ-NHNN, chậm nhất đến 16/02/2007 các Tổ chức tín dụng phải thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ. Tuy nhiên, để thiết lập ngay được một bộ máy Kiểm toán nội bộ hiện đại trong thời gian ngắn thì không thể thực hiện được mà cần phải có lộ trình.

3.2.4.2. Về cơ cấu tổ chức

- Đối với Ban kiểm soát có thể giữ nguyên tên của ban này là Ban kiểm soát, song chức năng của nó nên được tổ chức lại, theo đó Ban kiểm soát sẽ thực hiện vai trò nhiệm vụ tương tự như vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế. Điều này có nghĩa là Ban kiểm soát phải kết hợp được với chức năng đảm bảo trên toàn ngân hàng và giám sát các vấn đề tuân thủ.

+ Quy chế của Ban kiểm soát cần được xây dựng. Về quy chế, chính sách, thủ tục và chương trình cho Kiểm toán nội bộ được phát triển và áp dụng theo hướng của Kiểm toán nội bộ theo thông lệ quốc tế và chuyển toàn bộ hay một phần đội ngũ của cán bộ của chức năng Kiểm tra kiểm soát hiện tại thành chức năng kiểm toán nội bộ. Đây là điểm tất yếu vì khi cổ phần hoá Ngân hàng phải tuân theo thông lệ quản trị cấp cao của các công ty cổ phần và nhất là khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) hệ thống pháp luật phải cải tiến theo thông lệ quốc tế.

+ Ban kiểm soát nên thành lập một phòng/bộ phận kiểm toán nội bộ, trực thuộc Ban kiểm soát hay thuộc bộ máy giúp việc của mình. Bộ phận này trước mắt nên duy trì tại Hội sở chính và dần mở rộng các văn phòng khu vực trong vài năm tới. Nhiệm vụ trước mắt của bộ phận này là phối hợp với Ban kiểm tra kiểm soát của Tổng giám đốc để phát triển năng lực kiểm toán, xây dựng và thống nhất các kế hoạch kiểm toán của Ban kiểm soát và kiểm tra của Tổng giám đốc, tiến hành các hoạt động kiểm toán nội bộ.

+ Trước mắt NHCTVN cần tập trung vào việc xây dựng năng lực kỹ thuật kiểm toán nội bộ cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ và Kiểm tra kiểm soát nội bộ, để đáp ứng yêu cầu hiện tại của cả công việc kiểm toán nội bộ cho Ban kiểm soát và công tác kiểm tra cho ban điều hành và đây sẽ là nguồn lực cho kiểm toán nội bộ sau này khi mà kiểm toán nội bộ được thành lập đầy đủ. Việc phát

triển năng lực kỹ thuật bao gồm phát triển chính sách, thủ tục và chương trình kiểm toán và đào tạo cán bộ với mục tiêu là chuyển từ phương pháp kiểm toán theo tuân thủ sang phương pháp làm việc dựa trên rủi ro.

+ Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị bổ nhiệm nhằm giúp cho Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình. Ban kiểm soát sẽ giám sát quy trình báo cáo thông tin tài chính nhằm đảm bảo các thông tin được công bố là trung thực, rõ ràng và không bị lạm dụng. Ban kiểm soát cũng sẽ rà soát:

. Tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát tài chính nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của NHCTVN.

. Tính hiệu quả của chức năng kiểm toán nội bộ.

. Quy trình kiểm toán độc lập trong đó có việc đề nghị bổ nhiệm cũng như đánh giá kết quả của kiểm toán độc lập.

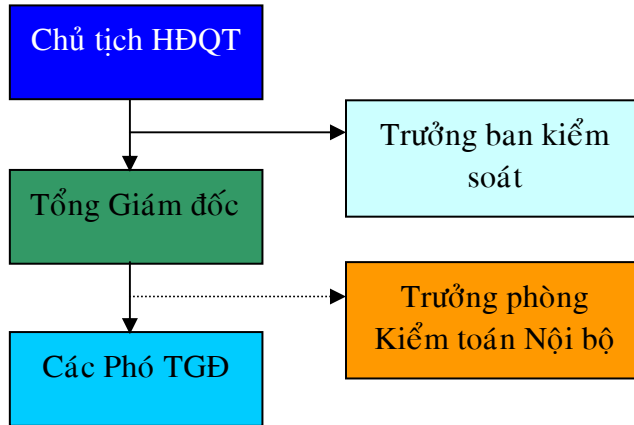
. Quy trình của NHCTVN để theo dõi sự tuân thủ đối với pháp luật và các quy định liên quan đến công tác báo cáo tài chính và các quy tắc hành vi của Ngân hàng nếu có.

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát duy trì quan hệ có hiệu quả với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các kiểm toán viên độc lập và nội bộ. Để làm được như vậy mỗi thành viên Ban kiểm soát cần phát triển và duy trì các kỹ năng và trình độ, bao gồm cả sự hiểu biết về trách nhiệm của Ban kiểm soát, về hoạt động kinh doanh và rủi ro của NHCTVN.

- Đối với Phòng Kiểm toán Nội bộ:

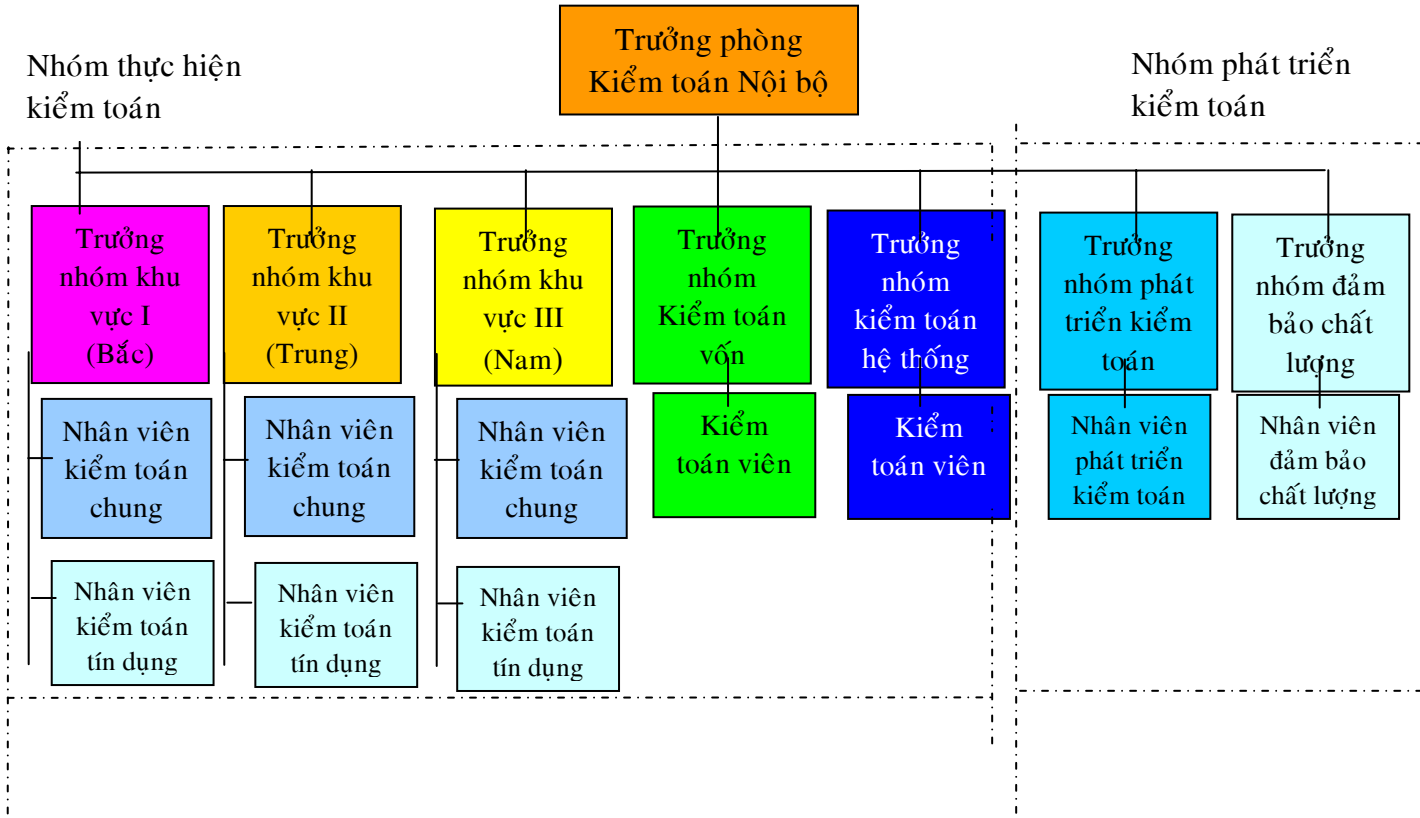
+ Chức năng kiểm toán nội bộ được tập trung tại Hội sở chính, với tên gọi là Phòng kiểm toán nội bộ. Phòng kiểm toán nội bộ phải độc lập với các bộ phận/phòng kinh doanh cần được kiểm toán.

Sơ đồ 2: Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành với Trưởng Ban kiểm soát và Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ



+ Phòng kiểm toán nội bộ cần coi các bộ phận/phòng kinh doanh là “khách hàng” của mình để cung cấp cho họ chất lượng dịch vụ tốt nhất và các khuyến nghị đem lại lợi ích. Nhằm mục đích hỗ trợ cho ngân hàng, Phòng kiểm toán nội bộ cần đóng vai trò là các nhà tư vấn nội bộ.

- Sơ đồ 3: Đề xuất một cơ cấu tổ chức của kiểm toán nội bộ:



+ Nhằm tối ưu tính độc lập, chức năng thực hiện và phát triển/đảm bảo chất lượng của Kiểm toán nội bộ phải được tách biệt hoàn toàn.

+ Chức năng thực hiện kiểm toán sẽ thực hiện công việc kiểm toán dựa trên cơ sở phương pháp luận kiểm toán nội bộ do bộ phận Phát triển kiểm toán thiết lập.

. Trong trường hợp chức năng thực hiện thấy phương pháp luận kiểm toán là không thực tế và không thể thực hiện được thì phải thông báo cho nhóm Phát triển Kiểm toán biết.

. Các phòng Kiểm toán nội bộ khu vực căn cứ vào công việc và kỹ năng yêu cầu mà có thể phân công, bố trí nhân sự trong khu vực. Điều này sẽ tạo điều kiện phát huy tính hiệu quả và hiệu lực của Kiểm toán nội bộ. Do đó, kiểm toán viên nội bộ được phân công, bố trí công việc đến theo đoàn sẽ trực tiếp báo cáo cho trưởng đoàn kiểm toán nội bộ.

+ Chức năng phát triển/đảm bảo chất lượng: nhóm phát triển thiết lập chính sách, xây dựng phương pháp luận cho kiểm toán nội bộ, còn chức năng đảm bảo chất lượng đảm bảo là bộ phận thực hiện tuân thủ phương pháp này. Trên thực tế hai bộ phận này thường hợp tác với nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

+ Kiểm toán nội bộ chỉ nên duy trì văn phòng tại Hội sở chính và văn phòng khu vực. Chức năng vốn và hệ thống thông tin được duy trì Hội sở chính nên Kiểm toán nội bộ các hoạt động này cũng nên được duy trì tại Hội sở chính và nhóm phát triển/đảm bảo chất lượng cần được duy trì ở Hội sở chính.

3.2.4.3. Vấn đề nhân sự

- Nguồn nhân sự:

+ Hiện tại NHCTVN có đội ngũ gần 500 nhân viên thuộc hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ được đặt tại Trụ sở chính đến các chi nhánh. Khi xây dựng

chức năng kiểm toán độc lập, có thể một số nhân viên này sẽ được chuyển sang làm việc tại bộ phận kiểm toán. NHCTVN sẽ khó khăn về nhân sự nếu áp dụng ngay mô hình kiểm toán nội bộ mà chỉ có văn phòng khu vực, vì một lúc tuyển nhiều nhân viên mới thì không hiệu quả và không khả thi. NHCTVN nên xem xét kết hợp tuyển nhân viên mới và lấy nhân viên từ bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ hiện tại, dự kiến bộ máy kiểm toán nội bộ phải đạt 100 người thì mới có thể có đủ nguồn lực thực hiện nhiệm vụ.

+ Nếu lấy nhân viên từ bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ hiện tại, do một số khó khăn thực tế về trình độ, về cuộc sống gia đình nên NHCTVN không thể chuyển tất cả họ ngay lập tức lên văn phòng khu vực. Do vậy, NHCTVN nên chuyển một số người đủ trình độ năng lực lên văn phòng khu vực kết hợp với tuyển nhân viên mới cho văn phòng khu vực, còn lại thì chuyển họ sang làm việc tại bộ phận khác của chi nhánh. *Sẽ không còn có kiểm tra viên nội bộ (sau này là kiểm toán viên) đóng tại các chi nhánh như hiện nay NHCTVN đang duy trì, nếu không tính độc lập và hiệu quả sẽ không được đảm bảo.*

- Năng lực chuyên môn:

+ Các cuộc kiểm toán nội bộ phải được thực hiện với trình độ chuyên môn cao (kiến thức, kỹ năng và những năng lực cần thiết khác) và với sự cẩn trọng nghề nghiệp cần thiết.

. Điều này có nghĩa là tất cả những cán bộ kiểm toán nội bộ cần nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực thông qua việc bồi dưỡng thường xuyên phát triển chuyên môn.

. Phòng kiểm toán nội bộ cần đưa ra các yêu cầu nhất định về kỹ năng nghiệp vụ để thực hiện công việc kiểm toán cụ thể, trên cơ sở đó xác định chương trình đào tạo cần thiết. Các chương trình đào tạo cần tập trung cả vào hai lĩnh vực là kỹ năng chuyên môn và kỹ năng ứng xử, giao tiếp.

. Đánh giá lại kỹ năng nghiệp vụ của các kiểm toán viên nội bộ trong mối quan hệ với các yêu cầu của hoạt động kinh doanh và các định hướng giá trị của NHCTVN.

. Xây dựng một chương trình làm việc theo đó một số kiểm toán viên nội bộ sẽ tập trung vào kiểm toán một mảng hoạt động kinh doanh của NHCTVN để trở thành các chuyên gia thực sự trong các mảng này (ví dụ như kiểm toán nghiệp vụ quản lý và kinh doanh vốn, kiểm toán hệ thống thông tin...). Cách thức này sẽ tạo điều kiện cho các kiểm toán viên nội bộ đưa ra các khuyến nghị và tư vấn kinh doanh mang tính thực tế cao cho Ban điều hành.

+ Kỹ năng tư vấn là một kỹ năng quan trọng đối với các kiểm toán viên nội bộ, cho phép họ đưa ra những khuyến nghị và tư vấn kinh doanh thực tế cao cho Ban điều hành.

+ Kiểm toán nội bộ cần tham gia tích cực hơn vào các hiệp hội nghề nghiệp trong nước và quốc tế, ví dụ như Viện Kiểm toán viên nội bộ, Hiệp hội Kiểm toán viên và Kiểm soát Hệ thống thông tin...) nhằm giúp họ nắm bắt kịp thời các bước phát triển mới nhất trong hệ thống kiểm toán nội bộ.

+ Cần đặt ra quy định về số giờ bồi dưỡng nghề nghiệp liên tục tối thiểu cho từng kiểm toán viên nội bộ.

+ Cần có mối liên hệ rõ ràng giữa hiệu quả công việc của cán bộ và kế hoạch bồi dưỡng cán bộ nhằm phát hiện và đáp ứng các yêu cầu về bồi dưỡng nhân viên. Tóm lại, thước đo hiệu quả công việc của cán bộ cần phải: Cụ thể và đo lường được, phù hợp với định hướng giá trị của NHCTVN, định hướng đúng đắn cho hành động của cán bộ.

- Về định hướng nghề nghiệp, thuyên chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ...:

+ Phòng Kiểm toán nội bộ nên xây dựng hệ thống bồi dưỡng cán bộ nhằm định hướng sự nghiệp cho các kiểm toán viên nội bộ phù hợp với các chính sách về nhân sự của NHCTVN.

. Nên sử dụng phương pháp đánh giá dựa trên độ thành thạo nghề nghiệp.

. Định hướng sự nghiệp phải dựa trên hiệu quả công việc của cán bộ và các mục tiêu của NHCTVN.

. Định hướng sự nghiệp phải mở rộng cả về ngành dọc và ngành ngang. Ví dụ như kiểm toán viên nội bộ có thể được chuyển chuyển đến các phòng, ban hoặc các đơn vị kinh doanh trong nội bộ NHCTVN, đồng thời các cán bộ không phải kiểm toán viên có thể được chuyển đến làm việc cho Phòng Kiểm toán nội bộ.

+ NHCTVN cần có chính sách định hướng sự nghiệp phù hợp với kỹ năng chuyên môn của cán bộ (ví dụ như quản lý và kinh doanh vốn, tín dụng, công nghệ thông tin...). Các cán bộ có chuyên môn sâu và có nhiều kinh nghiệm có thể được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo của Phòng Kiểm toán nội bộ hoặc vào các vị trí lãnh đạo, quản lý của Ngân hàng.

3.2.4.4. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ

- Thực hiện kiểm toán:

+ Phòng Kiểm toán Nội bộ nên chuyển từ phương pháp kiểm toán tuân thủ sang phương pháp kiểm toán dựa trên cơ sở rủi ro.

. Phương pháp này dựa vào các rủi ro của Ngân hàng để đảm bảo là các hệ thống quản lý rủi ro của Ngân hàng là phù hợp và đầy đủ tính hiệu quả. Mục đích chính của phương pháp này là cung cấp cho ban lãnh đạo NHCTVN sự đảm bảo là: Hệ thống quản lý rủi ro của Ngân hàng bao gồm quản lý rủi ro cấp doanh nghiệp, cấp phòng ban, chi nhánh... được tuân thủ và hoạt động đúng theo mong muốn của ban lãnh đạo; quy trình quản lý rủi ro được thiết lập; các quyết

định xử lý của ban lãnh đạo là đầy đủ để hạn chế rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được; có một hệ thống kiểm soát nội bộ tốt nhằm giảm thiểu rủi ro.

. Phương pháp này bắt đầu từ các mục tiêu kinh doanh, sau đó xác định các rủi ro ảnh hưởng đến các mục tiêu đó. Tiếp theo Kiểm toán nội bộ đánh giá các chính sách, quy trình mà Ban lãnh đạo áp dụng nhằm giảm thiểu các rủi ro xuống mức mà Hội đồng quản trị cho phép như thế nào. Dựa trên cơ sở đó Kiểm toán nội bộ xác định phương pháp và phạm vi công việc của mình.

. Phòng Kiểm toán nội bộ nên xây dựng các chương trình kiểm toán cụ thể theo phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro và phù hợp với từng đơn vị kinh doanh hay lĩnh vực được kiểm toán cụ thể.

- Báo cáo kiểm toán:

+ Kiểm toán nội bộ cần thảo luận và thống nhất các vấn đề ghi nhận trong quá trình kiểm toán, cũng như phân hạng rủi ro của các vấn đề này với đối tượng kiểm toán, sau đó trình một báo cáo kiểm toán lên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Kiểm toán nội bộ cần báo cáo thường xuyên cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, giám đốc các đơn vị kinh doanh nhằm trao đổi về các rủi ro trọng yếu, các vấn đề kiểm soát, quản trị, các vấn đề cần sự lưu ý của lãnh đạo NHCTVN hoặc báo cáo theo yêu cầu cụ thể của lãnh đạo NHCTVN.

+ Phòng Kiểm toán nội bộ nên xây dựng hệ thống chuẩn mực báo cáo để đảm bảo các báo cáo kiểm toán được trình bày súc tích và chú trọng đến các vấn đề ghi nhận có tính rủi ro cao. Báo cáo kiểm toán nên có các thông tin sau:

. Phân hạng chuẩn về mức độ rủi ro của từng vấn đề được ghi nhận (ví dụ như cao, trung bình, thấp).

. Phân hạng chuẩn về mức rủi ro chung cho cả báo cáo.

+ Các vấn đề ghi nhận trong quá trình kiểm toán cần được ghi lại ngay lập tức và cần được trao đổi với các bên liên quan ngay trong quá trình kiểm toán tại cơ sở.

+ Báo cáo kiểm toán cần trình bày súc tích và rõ ràng các vấn đề ghi nhận trong quá trình kiểm toán. Báo cáo kiểm toán cần đưa ra các khuyến nghị có tính thực tế và nêu rõ thời gian dự định hoàn thành các kế hoạch hành động.

3.2.4.5. Chính sách kiểm toán nội bộ

Để thực hiện được nhiệm vụ của mình, Phòng Kiểm toán nội bộ cần phải xây dựng một chính sách và quy trình kiểm toán nội bộ

- Chính sách kiểm toán nội bộ để làm hướng dẫn chính thức cho công tác kiểm toán nội bộ ở cấp toàn ngân hàng và mức độ cá nhân Kiểm toán viên. Chính sách này mô tả bản chất hoạt động của Kiểm toán nội bộ, các nội dung trong Quy chế Kiểm toán nội bộ và một kế hoạch thường niên bao gồm các hoạt động và cách thức thực hiện công việc kiểm toán và báo cáo kết quả, cũng như những tiêu chí đánh giá tình hình thực hiện công việc.

- Phương pháp luận kiểm toán sẽ được rà soát và cập nhật (khi cần thiết) ít nhất mỗi năm một lần. Nhóm Phát triển Kiểm toán thuộc phòng kiểm toán nội bộ cần xem xét và cập nhật các quy chế nội bộ và bên ngoài cùng với ý kiến đóng góp của các bên liên quan đưa ra trong năm.

3.2.4.6. Quy chế và quy trình Kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ là một phần của hệ thống kiểm soát nội bộ và đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ và nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng. Phòng kiểm toán nội bộ cần đánh giá công tác quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quản trị doanh nghiệp hiện đại và đưa ra các khuyến nghị thực tế nhằm tăng giá trị/nâng cao hiệu quả các hoạt động của ngân hàng.

- Hội đồng quản trị phân công Ban kiểm soát tiến hành soạn thảo Quy chế kiểm toán nội bộ: tầm nhìn và tôn chỉ hoạt động; vị trí, vai trò và chức năng;

quyền hạn; trách nhiệm; phạm vi công việc; tính độc lập; năng lực chuyên môn; và các khía cạnh về kiểm toán cần được quản lý và quy định rõ trong Quy chế Kiểm toán nội bộ và do Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ quản lý, được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phê duyệt. Quy chế Kiểm toán nội bộ là cơ sở để Phòng kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trong toàn bộ NHCTVN và hàng năm cần được rà soát để cập nhật với những bước phát triển của NHCTVN và của ngành ngân hàng.

- Ban hành quy trình kiểm toán nội bộ, quy trình kiểm toán nội bộ quy định các quy trình và hướng dẫn chi tiết về phương thức đánh giá rủi ro, lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, kế hoạch từng cuộc kiểm toán, cách thức thực hiện công việc kiểm toán, lập và gửi báo cáo kiểm toán, lưu giữ hồ sơ tài liệu kiểm toán nội bộ. Quy trình kiểm toán nội bộ có thể được quy định tại quy chế Kiểm toán nội bộ.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Là cơ quan chuyên trách quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ tín dụng, Ngân hàng Nhà nước cần thực hiện những giải pháp để nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống giám sát Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ, bộ máy Kiểm toán nội bộ của các Ngân hàng Thương mại.

3.3.1.1. Hoàn thiện thể chế và hạ tầng cơ sở hỗ trợ hoạt động giám sát tài chính ngân hàng

- Hoàn thiện các dự Luật về Ngân hàng theo hướng chính qui và phù hợp với mặt bằng Luật pháp quốc tế:

+ Hoàn thiện khung pháp lý về giám sát tài chính ngân hàng, những nội dung đổi mới Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cần được cụ thể hóa trong Luật Ngân hàng Nhà nước mới.

+ Về lâu dài, cần có Luật Giám sát hoạt động ngân hàng, để có thể xây dựng hệ thống giám sát ngân hàng dựa trên nền tảng của công nghệ thông tin hiện đại.

+ Luật Tổ chức tín dụng mới cần quy định thành lập chức năng Kiểm toán nội bộ, chi tiết vai trò và nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ của các Tổ chức tín dụng.

- Ngân hàng Nhà nước khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn các Tổ chức tín dụng thực hiện QĐ 36/2006/QĐ-NHNN và QĐ 37/2006/QĐ-NHNN để các tổ chức tín dụng thực hiện các quy chế này một cách thông suốt, từ đó có cơ sở xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ, hiệu lực và hiệu quả, tiến tới xây dựng các mô hình quản trị ngân hàng hiện đại tại Việt Nam, chuẩn bị tốt cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đẩy mạnh hiện đại hoá công nghệ ngân hàng trên cơ sở tăng cường áp dụng các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và giám sát ngân hàng.

- Hoàn thiện quy chế kiểm toán độc lập đối với các Tổ chức tín dụng cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thông lệ quốc tế. *Hoàn thiện quy chế về tổ chức và hoạt động của cơ quan kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong các Tổ chức tín dụng.*

3.3.1.2. Xây dựng khuôn khổ quy trình và phương pháp thanh tra, giám sát

- Sớm xây dựng và triển khai khuôn khổ quy trình và phương pháp thanh tra, giám sát dựa trên cơ sở tổng hợp và rủi ro.

- Xây dựng hệ thống giám sát rủi ro trong hoạt động ngân hàng có khả năng cảnh báo sớm đối với các Tổ chức tín dụng có vấn đề và các rủi ro trong hoạt

động ngân hàng. Ban hành quy định mới đánh giá, xếp hạng các Tổ chức tín dụng theo tiêu chuẩn CAMELS¹⁴.

3.3.1.3. Đối với Trung tâm Thông tin tín dụng

Tăng cường vai trò và năng lực hoạt động của Trung tâm Thông tin tín dụng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin tín dụng nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các Tổ chức tín dụng và hoạt động giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với các Tổ chức tín dụng.

3.3.2. Kiến nghị với Ngân hàng Công thương Việt Nam

3.3.2.1. Đẩy mạnh chương trình tái cơ cấu

Ngân hàng Công thương Việt Nam cần đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại các ngân hàng thương mại theo các đề án được duyệt :

- Hoàn thiện mô hình tổ chức từ Hội sở chính đến các chi nhánh Ngân hàng Thương mại theo những thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt:

+ Cơ cấu lại tổ chức của bộ máy quản trị (Hội đồng quản trị), bộ máy điều hành (Ban điều hành) và các phòng, ban tại Hội sở chính để nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị, điều hành.

+ Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận, các cấp.

- Đẩy mạnh chương trình tái cơ cấu hoạt động nghiệp vụ ngân hàng trên các lĩnh vực: Quản lý theo nhóm khách hàng và loại dịch vụ; hình thành bộ máy

¹⁴ Tiêu chuẩn CAMELS là viết tắt từ 6 chữ tiếng Anh: Capital (vốn), Asset (Tài sản có), Managment (Quản lý), Earning (Thu nhập), Liquidity (Thanh khoản), Sensitivity to risk (Độ nhạy cảm rủi ro). Thông qua phân tích cả về mặt định tính và định lượng của 6 chỉ tiêu trên để tổng hợp khảo sát tình hình kinh doanh, năng lực quản lý của ngân hàng và đánh giá xếp loại ngân hàng. Việc tổng hợp đánh giá xếp loại ngân hàng được chia ra 5 mức độ khác nhau, loại 1 là ngân hàng tốt nhất, loại 5 là ngân hàng yếu kém nhất và có xác suất phá sản rất cao.

quản trị tài sản nợ, tài sản có và xây dựng cơ chế kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

3.3.2.2. Áp dụng chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt về hoạt động và quản lý ngân hàng

- Lập báo cáo tài chính theo tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Với sức ép và sự giám sát ngày càng cao của công chúng và các cơ quan quản lý, trong khi việc chuyển đổi sang IFRS cần nhiều thời gian, NHCTVN không thể bỏ qua vấn đề này nếu muốn thành công trong môi trường cạnh tranh. Việc lập lộ trình để áp dụng IFRS, bao gồm nâng cao nhận thức, đào tạo và xây dựng hệ thống là cấp bách và bắt buộc.

- Nâng cao hiệu lực quản lý và tăng cường năng lực quản trị rủi ro: Thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả các cấu phần quản trị rủi ro; xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thanh khoản; rủi ro thị trường, lãi suất, tỷ giá hối đoái; rủi ro tín dụng; quản trị rủi ro thông qua giám sát và kiểm soát việc tuân thủ khung số tay tín dụng trong thực tiễn thay cho quản lý rủi ro thông qua báo cáo tình hình.

- Nâng cao “độ mở” thông tin về hoạt động thông qua các báo cáo về tình hình tài chính của Ngân hàng với các đối tác, khách hàng và các tổ chức thanh tra, kiểm toán.

3.3.2.3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ quan Kiểm toán nội bộ và hệ thống Kiểm soát nội bộ

- Tích cực áp dụng các khuyến nghị của ủy ban Basel về giám sát Ngân hàng; xây dựng cơ chế kiểm soát tín dụng hữu hiệu, đặc biệt là ngăn chặn nợ xấu gia tăng và biện pháp xử lý rủi ro tín dụng; đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ với mục tiêu quan trọng xây dựng được hệ thống tìm kiếm những xu hướng tiềm ẩn tiêu cực, bất ổn và thiếu sót trong hoạt động của Ngân hàng để đưa ra biện pháp chấn chỉnh.

- Nâng cao chất lượng chuyên nghiệp của cán bộ, nhân viên cũng như tập trung xây dựng thương hiệu cho Ngân hàng với mục tiêu giảm thiểu rủi ro đạo đức và rủi ro hoạt động.

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện mô hình tổ chức và chức năng của Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị và bộ máy Kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát đảm bảo sự phối hợp hài hoà, tránh chồng chéo để hạn chế tối đa rủi ro kiểm soát. Về lâu dài, sau khi tiến hành cổ phần hoá, cần xây dựng Ban kiểm soát độc lập với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, do Đại hội cổ đông trực tiếp bầu ra để đảm bảo tính khách quan và hiệu quả của cơ chế giám sát.

KẾT LUẬN

Tóm lại luận án đã đi vào giải quyết các vấn đề sau:

Về lý luận đã khái quát được lý luận về Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ. Xây dựng được hệ thống Kiểm soát nội bộ tốt góp phần hoàn thành các mục tiêu hoạt động, sử dụng các nguồn lực một cách kinh tế và có hiệu quả. Đồng thời hệ thống Kiểm soát nội bộ tốt sẽ hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động Ngân hàng. Kiểm toán nội bộ là một phần của hệ thống Kiểm soát nội bộ và đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ và nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng. Hệ thống tổ chức và hoạt động của hệ thống Kiểm soát nội bộ gắn liền với quy trình nghiệp vụ; Kiểm toán với bản chất là độc lập, khách quan, trung thực, độc lập với các nghiệp vụ để phản ánh các thông tin trung thực khách quan liên quan đến hoạt động Ngân hàng.

Đề tài đã nêu được thực trạng hoạt động hiện nay của hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam, hoạt động công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam vẫn còn nhiều điểm bất hợp lý, thiếu khoa học dẫn đến hiệu lực và hiệu quả hoạt động còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu giám sát và tư vấn quản lý ngân hàng. Nguyên nhân chính của sự hạn chế là xuất phát từ mô hình tổ chức của hệ thống Kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam hiện nay. Đồng thời đã đưa ra được các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng thể hiện ở sự hội tụ quốc tế tương đồng trên các giác độ thể chế, chính sách; hoạt động và tư duy, nhận thức. Ngành ngân hàng Việt Nam nói chung và Ngân hàng Công thương

Việt Nam nói riêng ngày càng tiến gần hơn tới các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt về hoạt động và quản lý ngân hàng. Công tác giám sát ngân hàng (bao gồm cả các hoạt động ban hành các qui định an toàn và biện pháp thận trọng) đang tiến nhanh tới thực hiện các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế của Ủy ban Giám sát ngân hàng Basel. Chẳng hạn, qui định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro; qui định về các tỷ lệ an toàn hoạt động ngân hàng; công bố thông tin đối với các Tổ chức tín dụng; hoạt động kiểm soát...Việc xây dựng hệ thống Kiểm soát nội bộ, Kiểm toán nội bộ hữu hiệu và hiệu quả, tiến gần tới chuẩn mực quốc tế là một đòi hỏi cấp bách và là mục tiêu quan trọng của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Bộ môn Kiểm toán, Khoa kế toán-Kiểm toán, Trường Đại học kinh tế TP.HCM (2006), *Kiểm toán*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
2. Chính phủ (2006), “Đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”, *Quyết định số 112/2006/QĐ-TT*.
3. Công ty Ernst & Young (2003), “*Rủi ro Ngân hàng và vai trò của hệ thống Kiểm soát nội bộ*”, Tài liệu Hội thảo.
4. PGS.TS. Nguyễn Thị Liên Diệp (2003), *Quản trị học*, NXB Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. TS. Nguyễn Văn Giàu (2000), “Những giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức, hoạt động kiểm soát, kiểm toán đối với Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng ở Việt Nam”, *Đề tài nghiên cứu khoa học*.
6. THS. Lê Thị Thu Hà (2006), “Kiểm toán nội bộ và mối quan hệ giữa cơ quan giám sát với các kiểm toán viên”, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng* (số 49), tr.66-67, 71.
7. Thạc sỹ Lâm Thị Hồng Hoa chủ biên (2002), *Giáo trình Kiểm toán ngân hàng*.
8. THS. Nguyễn Thị Thu Hoài (2005), “Một số thách thức đối với hệ thống Ngân hàng Công thương Việt Nam trong điều kiện hội nhập nền kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ* (số 182), tr.24-25.
9. PGS.TS. Nguyễn Đình Hựu (2004), “Tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ của các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế” (2004), *Tạp chí Kiểm toán* (số 5,6), tr.15-17, 21-24.
10. Phí Đăng Minh (2006), “Công tác quản lý, giám sát các Ngân hàng thương mại Trung Quốc”, *Tạp chí Ngân hàng* (số 9), tr.55-60.
11. GS.TS. Lê Hữu Nghĩa-TS. Lê Ngọc Tông đồng chủ biên (2004), *Toàn cầu hóa-Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. THS. Vũ Thuý Ngọc (2006), “Hệ thống Kiểm soát nội bộ của một Ngân hàng hiện đại”, *Tạp chí Ngân hàng* (số 9), tr.29-30.
13. TS. Nguyễn Đình Nguộc (2005), “Một số thách thức của Ngân hàng thương mại Nhà nước trong quá trình hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Ngân hàng* (số 2), tr.13-15.
14. Nhiều tác giả (2006), “Giải pháp phát triển hệ thống Giám sát Tài chính- Ngân hàng hữu hiệu”, *Tạp chí Ngân hàng* (số 12), tr.18-20.
15. Ngân hàng Công thương Việt Nam (2004), *Sổ tay tín dụng*, tài liệu lưu hành nội bộ, Hà Nội.
16. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1998), Quyết định số 03/1998/QĐ-NHNN ngày 03/01/1998 quy chế về kiểm tra, kiểm toán nội bộ của các tổ chức tín dụng.
17. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2006), Quyết định 36/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 ban hành quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổ chức tín dụng.
18. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2006), Quyết định 37/2006/QĐ-NHNN ngày 01/08/2006 ban hành quy chế kiểm toán nội bộ của Tổ chức tín dụng.
19. Northcentral University, USA và Saithanh Solutions Company (2006), *Quản trị rủi ro dành cho các Ngân hàng thương mại*, Tài liệu Hội thảo.
20. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều các Tổ chức tín dụng năm 2004*.
21. Nguyễn Thanh Sơn (2003), “Bước trưởng thành của hệ thống kiểm tra kiểm toán nội bộ”, *Đặc san Ngân hàng Công thương Việt Nam-15 năm xây dựng và trưởng thành*, tr.137.

22. TS. Nguyễn Đức Thảo (2004), “Hệ thống kiểm soát nội bộ Ngân hàng thương mại với việc ngăn ngừa rủi ro tín dụng”, *Tạp chí Kiểm toán* (số 2), tr.4-8.
23. Nguyễn Đình Tự (2003), “Đổi mới kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước đối với các Tổ chức tín dụng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản* (số 24), tr.41-43, 49.
24. Báo cáo thường niên của Ngân hàng Công thương Việt Nam các năm từ 2001-2005.
25. Thông tin Ngân hàng Công thương năm 2005-2006.

Tiếng Anh

1. Basle Committee (1998), *Framework for Internal Control systems in Banking Organisations*,
<http://www.bis.org>,
<http://www.federalreserve.gov/BoardDocs/Press/general/1998/19980202/default.htm>.
2. Basle (2000), *Internal audit in banking organisations and the relationship of the supervisory authorities with internal and external auditors*,
<http://www.bis.org>,
<http://www.federalreserve.gov/BoardDocs/Press/general/1998/19980202/default.htm>.
3. Committee of Sponsoring Organisations of the Treadway Commission (COSO) (1992), *Internal control - Integrated framework*,
<http://www.coso.org>.

Các trang web

- * <http://www.theiia.org>
- * <http://www.sbv.gov.vn>
- * Website của các Ngân hàng thương mại